

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền Trang**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ  
THƯƠNG MẠI MỸ TÍN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền Trang  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền Trang

Mã sinh viên: 151 240 1081

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính  
tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phân tích thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín, sử dụng số liệu năm 2018.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

- Địa chỉ: Tổ dân phố An Tràng, Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN  
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN  
Người hướng dẫn

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

**Ths. Phạm Thị Kim Oanh**

Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2019

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**



## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</b> .....	3
1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa:.....	3
1.1.1. Khái niệm Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa: .....	3
1.1.2. Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính: .....	3
1.1.2.1. Mục đích của Báo cáo tài chính: .....	3
1.1.2.2. Vai trò của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp:.....	4
1.1.3. Đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên báo cáo tài chính: .....	5
1.1.4. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính: .....	5
1.1.5. Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính: .....	6
1.1.6. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính: .....	8
1.1.7. Kỳ lập Báo cáo tài chính:.....	9
1.1.8. Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:.....	9
1.2. Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính: .....	11
1.2.1. Khái niệm Báo cáo tình hình tài chính: .....	11
1.2.2. Tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính:.....	11
1.2.3. Nội dung và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:.....	12
1.2.3.1. Nội dung của Báo cáo tình hình tài chính: .....	12
1.2.3.2. Kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính: .....	12
1.2.4. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính: .....	15
1.2.5. Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:.....	16
1.2.5.1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình tài chính: .....	16
1.2.5.2. Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính:.....	16
1.2.5.3. Phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính:.....	17

1.3. Phân tích Báo cáo tình hình tài chính: .....	27
1.3.1. Sự cần thiết phải phân tích Báo cáo tình hình tài chính:.....	27
1.3.2. Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính: .....	27
1.3.3. Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính: .....	28
1.3.3.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính: .....	28
1.3.3.2. Phân tích tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các tỷ số tài chính cơ bản:.....	32
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN .....</b>	<b>35</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:.....	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	35
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	39
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:.....	39
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty:.....	41
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán:.....	41
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán: .....	41
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán: .....	43
2.2. Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:.....	43
2.2.1. Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	43
2.2.2. Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	44
2.2.2.1. Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán: .....	44
2.2.2.2. Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán:.....	52
2.2.2.3. Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán:.....	57



2.2.2.4. Lập Bảng cân đối số phát sinh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	58
2.2.2.5: Lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	62
2.2.2.6. Kiểm tra, ký duyệt: .....	67
2.3. Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	67
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN .....</b>	<b>68</b>
3.1. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	68
3.2. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	68
3.2.1. Ưu điểm: .....	68
3.2.2. Nhược điểm:.....	70
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	71
3.3.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	71
3.3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	71
3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín: .....	72
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>87</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>88</b>

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Quy trình lập Báo cáo tình hình tài chính .....	17
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín ..	37
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín .....	39
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	42
Sơ đồ 2.4; Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.....	57

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1.1: Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a - DNN) .....	13
Biểu số 1.2: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản.....	30
Biểu số 1.3: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn .....	31
Biểu số 2.1: Giấy rút tiền.....	45
Biểu số 2.2: Phiếu thu .....	46
Biểu số 2.3: Giấy báo nợ .....	47
Biểu số 2.4: Sao kê tài khoản chi tiết.....	48
Biểu số 2.5: Trích Sổ Nhật kí chung.....	49
Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 111. ....	50
Biểu số 2.7: Sổ cái TK 112.....	51
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 112.....	53
Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng. ....	54
Biểu số 2.10: Trích sổ cái tài khoản 131 .....	55
Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.....	56
Biểu số 2.12: Trích Bảng cân đối số phát sinh.....	60
Biểu số 2.13: Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2018 .....	65
Biểu số 3.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	75
Biểu số 3.2: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín. ....	78
Biểu số 3.3: Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	80

## DANH MỤC VIẾT TẮT

1. BCTT	Báo cáo tài chính
2. TT-BTC	Thông tư của Bộ tài chính
3. BTC	Bộ tài chính
4. QĐ-BTC	Quyết định của Bộ tài chính
5. TK	Tài khoản
6. DN	Doanh nghiệp
7. TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

## LỜI MỞ ĐẦU

Báo cáo tình hình tài chính là tài liệu chủ yếu dùng để phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp vì nó phản ánh một cách tổng hợp nhất công nợ, nguồn vốn, tài sản, các chỉ tiêu về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó công tác, lập và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua Báo cáo tình hình tài chính là vô cùng cần thiết với các doanh nghiệp đặc biệt là trong điều kiện hội nhập hiện nay.

Lập Báo cáo tình hình tài chính và phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp và các cơ quan khác thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như xác định được một cách đầy đủ, đúng đắn nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, rủi ro và triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp để họ có thể đưa ra các giải pháp hữu hiệu, những quyết định chính xác nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thấy được vị trí và tầm quan trọng đó, trong thời gian tìm hiểu thực tế ở Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín, dưới sự hướng dẫn của tập thể nhân viên phòng Tài chính - Kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín và đặc biệt là sự hướng dẫn của cô giáo - Thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh, em đã mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu đề tài: "***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín***".

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài viết được chia thành 3 chương như sau :

Chương I: Một số vấn đề lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương II: Thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích

Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Bài khoá luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình, tạo điều kiện của ban lãnh đạo các cô, bác ở trong Công ty, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của cô giáo Thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh. Tuy nhiên, do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2019

Sinh viên

*Nguyễn Thị Huyền Trang*

## **CHƯƠNG I :**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

#### **1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa:**

##### ***1.1.1. Khái niệm Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa:***

- Báo cáo tài chính là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như tình hình chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- Báo cáo tài chính hiện hành bao gồm:

+ Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a-DNN) là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của doanh nghiệp thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

+ Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DNN) là một báo cáo kế toán tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định. Ngoài ra báo cáo kết quả kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN) là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh khái quát dòng chảy tiền tệ của doanh nghiệp, cho biết tiền tệ sinh ra bằng cách nào và được sử dụng ra sao.

+ Thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN) là một Báo cáo tài chính tổng hợp nhằm giải thích bằng lời, bằng số liệu một số chỉ tiêu đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính khác. Đồng thời bổ sung thêm một số chỉ tiêu chưa được phản ánh trên Báo cáo tài chính khác.

##### ***1.1.2. Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính:***

###### ***1.1.2.1. Mục đích của Báo cáo tài chính:***

+ Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình

hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- a) Tài sản;
- b) Nợ phải trả;
- c) Vốn chủ sở hữu;
- d) Doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác;
- đ) Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.

+ Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh Báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các Báo cáo tài chính và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### *1.1.2.2. Vai trò của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp:*

- Đối với Nhà nước: Báo cáo tài chính cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, đối với hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở cho việc tính thuế và các khoản phải nộp của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

- Đối với nhà quản lý doanh nghiệp: Các nhà quản lý thường cạnh tranh với nhau để tìm kiếm nguồn vốn, cố gắng thuyết phục với các nhà đầu tư, các chủ nợ rằng họ sẽ đem lại mức lợi nhuận cao nhất với độ rủi ro thấp nhất. Để thực hiện được điều này, các nhà quản lý phải công bố công khai những thông tin trên Báo cáo tài chính định kỳ về hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, nhà quản lý còn sử dụng Báo cáo tài chính để tiến hành quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

- Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ: Nhìn chung các nhà đầu tư và các chủ nợ đòi hỏi Báo cáo tài chính vì hai lý do, họ cần các thông tin tài chính để giám sát, và cần các thông tin tài chính để thực hiện các quyết định đầu tư cho vay của họ.

- Đối với kiểm toán viên độc lập: Các nhà đầu tư và cung cấp thông tin tin



dụng có lý do để lo lắng rằng các nhà quản lý có thể bóp méo các Báo cáo tài chính do họ cung cấp nhằm mục đích kiếm nguồn vốn hoạt động. Vì vậy các nhà đầu tư và tín dụng đòi hỏi các nhà quản lý phải bỏ tiền ra thuê các kiểm toán viên độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, các nhà quản lý đương nhiên phải chấp nhận vì họ cần vốn. Như vậy báo cáo tài chính đóng vai trò như là đối tượng của kiểm toán độc lập.

### ***1.1.3. Đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên báo cáo tài chính:***

+ Đối tượng lập Báo cáo tài chính năm:

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại chế độ kế toán của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Việc ký Báo cáo tài chính phải thực hiện theo quy định của Luật Kế toán. Trường hợp doanh nghiệp không tự lập Báo cáo tài chính mà thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán lập Báo cáo tài chính, người hành nghề thuộc các đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải ký và ghi rõ số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán trên báo cáo tài chính của đơn vị.

### ***1.1.4. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính:***

+ Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phải đầy đủ, khách quan, không có sai sót để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin được coi là đầy đủ khi bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu được bản chất, hình thức và rủi ro của các giao dịch và sự kiện. Đối với một số khoản mục, việc trình bày đầy đủ còn phải mô tả thêm các thông tin về chất lượng, các yếu tố và tình huống có thể ảnh hưởng tới chất lượng và bản chất của khoản mục.

- Trình bày khách quan là không thiên vị khi lựa chọn hoặc mô tả các thông tin tài chính. Trình bày khách quan phải đảm bảo tính trung lập, không

chú trọng, nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ cũng như có các thao tác khác làm thay đổi mức độ ảnh hưởng của thông tin tài chính là có lợi hoặc không có lợi cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

- Không sai sót có nghĩa là không có sự bỏ sót trong việc mô tả hiện tượng và không có sai sót trong quá trình cung cấp các thông tin báo cáo được lựa chọn và áp dụng. Không sai sót không có nghĩa là hoàn toàn chính xác trong tất cả các khía cạnh, ví dụ, việc ước tính các loại giá cả và giá trị không quan sát được khó xác định là chính xác hay không chính xác. Việc trình bày một ước tính được coi là trung thực nếu giá trị ước tính được mô tả rõ ràng, bản chất và các hạn chế của quá trình ước tính được giải thích và không có sai sót trong việc lựa chọn số liệu phù hợp trong quá trình ước tính.

+ Thông tin tài chính phải thích hợp để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế.

+ Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.

+ Thông tin tài chính phải đảm bảo có thể kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu.

+ Thông tin tài chính phải được trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán; So sánh được giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhau.

+ Các chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính. Doanh nghiệp được chủ động đánh lại số thứ tự của các chỉ tiêu theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần.

#### ***1.1.5. Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:***

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01a - DNN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNN

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b - DNN thay cho Mẫu số B01a - DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối số phát sinh (Mẫu số F01 - DNN).

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03 - DNN

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNNKLT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNNKLT

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03 - DNN

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:

Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNSN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNSN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNSN

Khi lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định. Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể sửa đổi, bổ sung báo cáo tài chính cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể lập thêm các báo cáo khác để phục vụ yêu cầu

quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

+ Nội dung, phương pháp lập và trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **1.1.6. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính:**

+ *Nguyên tắc hoạt động liên tục*

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, giám đốc doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Khi đánh giá nếu giám đốc doanh nghiệp biết được có những điều không chắc chắn liên quan đến các sự kiện hoặc các điều kiện có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần được nêu rõ. Nếu báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu rõ, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là đang hoạt động liên tục

+ *Nguyên tắc cơ sở dồn tích*

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền. Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan

+ *Nguyên tắc nhất quán*

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

- Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại các việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện.
- Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

+ Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính, các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục cùng tính chất theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính chất trọng yếu.

**1.1.7. Kỳ lập Báo cáo tài chính:**

Các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

- Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là quý (Không bao gồm quý 4).
- Ngoài ra các DN còn có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán tháng, 6 tháng, 9 tháng... tùy theo yêu cầu của chủ sở hữu.

**1.1.8. Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:**

- + Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:
  - Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho các cơ quan có liên quan theo quy định.
  - Ngoài việc lập báo cáo tài chính năm, các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Nơi nhận báo cáo tài chính năm được quy định như sau:

**Nơi nhận Báo cáo tài chính**

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	Doanh nghiệp cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	x	x	x	x	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	x	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	x	x

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp Báo cáo tài chính cho Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với doanh nghiệp Nhà nước Trung ương còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

Đối với các loại doanh nghiệp Nhà nước như: Ngân hàng thương mại, Công ty xổ số kiến thiết, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính ngân hàng hoặc Cục Quản lý giám sát bảo hiểm).

Các Công ty kinh doanh chứng khoán và Công ty đại chúng phải nộp Báo cáo tài chính cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

Các doanh nghiệp phải gửi Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực thuộc quản lý thuế tại địa phương. Đối với các Tổng công ty Nhà nước còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ tài chính (Tổng cục Thuế).

Doanh nghiệp có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp Báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán cấp trên theo quy định của đơn vị kế toán cấp trên.

Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán Báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp Báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã thực hiện kiểm toán phải đính kèm báo cáo

kiểm toán vào Báo cáo tài chính khi nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

Cơ quan tài chính mà doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phải nộp Báo cáo tài chính là Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở kinh doanh chính.

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, ngoài các cơ quan nơi doanh nghiệp phải nộp Báo cáo tài chính theo quy định trên, doanh nghiệp còn phải nộp Báo cáo tài chính cho các cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện quyền của chủ sở hữu theo Nghị định số 99/2012/NĐ-CP và các công văn sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Các doanh nghiệp (kể cả các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có trụ sở nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao còn phải nộp Báo cáo tài chính năm cho Ban quản lý khi chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nếu được yêu cầu.

## **1.2. Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:**

### **1.2.1. Khái niệm Báo cáo tình hình tài chính:**

Báo cáo tình hình tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của DN thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

Báo cáo tình hình tài chính liệt kê các tài sản mà công ty sở hữu và nguồn hình thành lên tài sản đó: Các nghĩa vụ nợ và vốn (chủ sở hữu hay cổ đông).

Báo cáo tình hình tài chính cũng giúp người đọc đo lường hiệu quả hoạt động của công ty về khía cạnh đầu tư và sử dụng các nguồn lực tài chính.

### **1.2.2. Tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính:**

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.

- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính có thể đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.

Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

### **1.2.3. Nội dung và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:**

#### **1.2.3.1. Nội dung của Báo cáo tình hình tài chính:**

Báo cáo tình hình tài chính gồm hai phần (hai bên - xét về mặt hình thức) được phản ánh theo hai chỉ tiêu cơ bản.

- Số cuối năm: Là số dư cuối kỳ của các tài khoản tương ứng của kỳ báo cáo.

- Số đầu năm: Là số cuối năm trước chuyển sang, số đầu năm không đổi trong suốt cả kỳ kế toán năm.

- Mã số : Ký hiệu dòng cần phản ánh.

#### **1.2.3.2. Kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính:**

Báo cáo tình hình tài chính có thể kết cấu:

- Theo chiều ngang (kết cấu dạng tài khoản): Bên trái là Tài sản, bên phải là Nguồn vốn.

- Theo chiều dọc (kết cấu dạng báo cáo): Bên trên là Tài sản, bên dưới là Nguồn vốn.

Nhưng dù kết cấu nào thì Báo cáo tình hình tài chính cũng được chia làm hai phần:

- Phần Tài sản: Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của DN tại thời điểm lập báo cáo.

- Phần Nguồn vốn: Phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản của DN tại thời điểm lập báo cáo.

Ngoài hai phần chính trên, còn có thêm phần các chỉ tiêu ngoài Bảng để phản ánh một số tài khoản mà DN không có quyền sở hữu nhưng có quản lý, sử dụng.



**Biểu số 1.1: Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a - DNN)**

Đơn vị báo cáo: .....

Mẫu số B01a - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: .....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày... tháng ... năm ...

Đơn vị tính: .....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>			
<b>II. Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		(...)	(...)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		(...)	(...)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(...)	(...)
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>			
- Nguyên giá	151			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(...)	(...)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>			
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		(...)	(...)
<b>VII. XDCB dở dang</b>	<b>170</b>			
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>			
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(200=110+120+130+140+150+160+170+180)</b>	<b>200</b>			

<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>			
1. Phải trả người bán	311			
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315			
6. Vay và nợ thuê tài chính	316			
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(500=300+400)</b>	<b>500</b>			

*Lập, ngày ... tháng ... năm ...*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(Ký, họ tên)*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.

(4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

**1.2.4. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:**

(1). Báo cáo tình hình tài chính phải phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện hơn là hình thức pháp lý của các giao dịch và sự kiện đó (tôn trọng bản chất hơn hình thức).

(2). Tài sản không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi; Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

(3). Phân loại tài sản và nợ phải trả: Tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần hoặc trình bày thành ngắn hạn và dài hạn. Riêng Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

(4). Trường hợp Báo cáo tình hình tài chính trình bày thành ngắn hạn và dài hạn:

Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại ngắn hạn;

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại dài hạn.

b) Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường dài hơn 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường được xếp vào loại ngắn hạn;

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường được xếp vào loại dài hạn.

Trường hợp này, doanh nghiệp phải thuyết minh rõ đặc điểm xác định chu kỳ kinh doanh thông thường, thời gian bình quân của chu kỳ kinh doanh thông thường, các bằng chứng về chu kỳ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động.

c) Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, thì các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày như điểm a mục này.

(5). Tài sản và nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt. Chỉ thực hiện bù trừ khi tài sản và nợ phải trả liên quan đến cùng một đối tượng, phát sinh từ các giao dịch và sự kiện cùng loại.

### ***1.2.5. Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:***

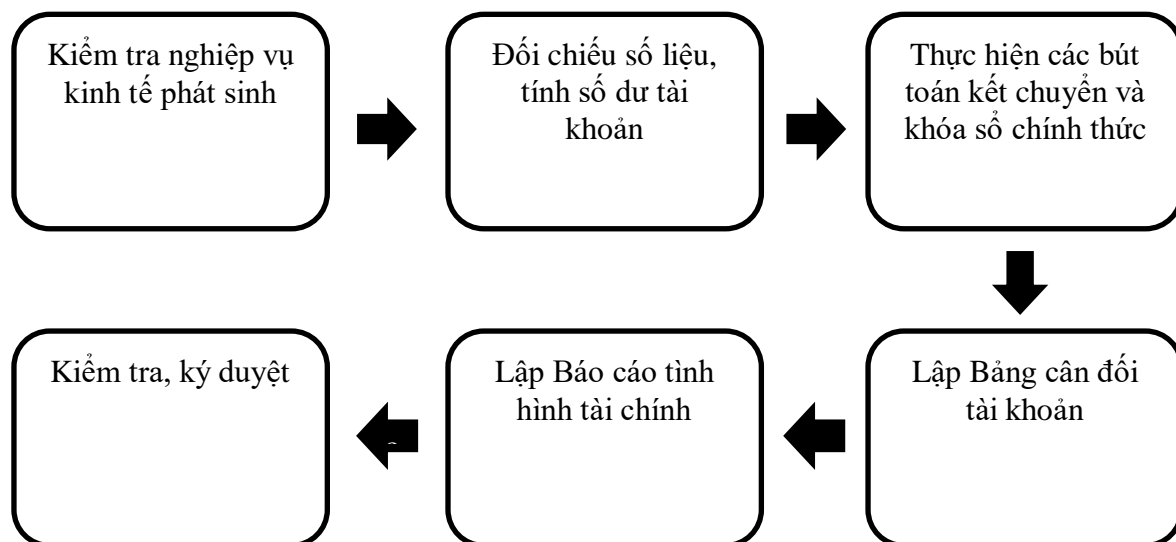
#### ***1.2.5.1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình tài chính:***

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp;
- Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết;
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước (để trình bày cột đầu năm).

#### ***1.2.5.2. Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính:***

- Bước 1: Kiểm soát các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- Bước 2: Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán và tính số dư các tài khoản.
- Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.
- Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh tài khoản.
- Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo mẫu (B01a – DNN)
- Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt.

**Sơ đồ 1.1: Quy trình lập Báo cáo tình hình tài chính**



*1.2.5.3. Phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính:*

- Số hiệu ghi ở cột 2 "Mã số" dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số hiệu ghi ở cột 3 "Thuyết minh" của báo cáo này là số liệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chi tiết các chỉ tiêu này trong Báo cáo tình hình tài chính.

- Số liệu ghi vào cột 4 "Số cuối năm" của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nay (lấy số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính để ghi).

- Số hiệu ghi vào cột 5 "Số đầu năm" của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 "Số cuối năm" của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

**\* Một số tài khoản đặc biệt cần lưu ý:**

+ Các tài khoản dự phòng (TK 229), hao mòn TSCĐ (TK 214) mặc dù có số dư bên có nhưng vẫn được ghi bên phần "Tài sản" bằng cách ghi âm (ghi số tiền trong ngoặc đơn ) nhằm phản ánh chính xác quy mô tài sản hiện có của Doanh nghiệp.

+ Các chỉ tiêu chênh lệch đánh giá lại tài sản (TK 412), chênh lệch tỷ giá (TK 413), lợi nhuận chưa phân phối (TK 421): Nếu các tài khoản đã nêu có số dư Có thì ghi bình thường, còn có số dư Nợ thì phải ghi âm bên Nguồn vốn.

+ Khoản “Phải thu khách hàng” và “ Người mua trả tiền trước”, “ Trả trước cho người bán”, “ Phải thu khác”, “ Phải trả khác”, không được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính mà phải dựa vào Bảng tổng hợp chi tiết để phản ánh vào từng chỉ tiêu phù hợp với quy định.

**\* Phương pháp lập các chỉ tiêu cụ thể trên Báo cáo tình hình tài chính:**

### **Phân: TÀI SẢN**

#### **I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)**

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111, 112, số dư Nợ chi tiết của TK 1281 (chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) và TK 1288 (chi tiết các khoản đủ tiêu chuẩn phân loại là tương đương tiền).

#### **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn ( Mã số 120)**

##### **- Đầu tư tài chính (Mã số 120)**

Các khoản đầu tư tài chính được phản ánh trong chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110) và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134).

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 122 + Mã số 123 + Mã số 124.

##### **+ Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121)**

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chỉ tiêu này có thể bao gồm cả các công cụ tài chính không được chứng khoán hóa, ví dụ như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 121.

##### **+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 122)**

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời

điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110), và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1281, 1288.

+ *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 123)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 228.

+ *Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Mã số 124)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2291, 2292 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- *Các khoản phải thu (Mã số 130)*

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc, phải thu khác, tài sản thiếu chờ xử lý sau khi đã trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 135 + Mã số 136.

+ *Phải thu của khách hàng (Mã số 131)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng.

+ *Trả trước cho người bán (Mã số 132)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền đã trả trước cho người bán để mua tài sản, dịch vụ nhưng chưa nhận được tài sản, dịch vụ tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 mở theo từng người bán.

+ *Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)*

Chỉ tiêu này chỉ ghi trên Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên phản ánh số vốn kinh doanh đã giao cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh” (Mã số 317) hoặc chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết phần vốn nhận của đơn vị cấp trên.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 1361.

+ *Phải thu khác (Mã số 134)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu nội bộ khác ngoài phải thu về vốn kinh doanh; phải thu về cho vay, phải thu về các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền lãi, cổ tức được chia, các khoản tạm ứng; các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tạm thời,... mà doanh nghiệp được quyền thu hồi.

Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải thu nội bộ khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải trả nội bộ khác trong chỉ tiêu “Phải trả khác” (Mã số 315) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1288 (phải thu về cho vay), 1368, 1386, 1388, 334, 338, 141.

+ *Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)*

Chỉ tiêu này phản ánh các tài sản thiếu hụt, mất mát chưa rõ nguyên nhân đang chờ xử lý tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 1381.

+ *Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2293 và được ghi bằng



số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**- Hàng tồn kho (Mã số 140)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị hiện có các loại hàng tồn kho dự trữ cho quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (sau khi trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho) tại thời điểm báo cáo.

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 142.

**+ Hàng tồn kho (Mã số 141)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157.

**+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 142)**

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các loại hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2294 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**- Tài sản cố định (Mã số 150)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152.

**+ Nguyên giá (Mã số 151)**

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211.

**+ Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)**

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị đã hao mòn của các loại tài sản cố định lũy kế tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141, 2142, 2143 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**- Bất động sản đầu tư (Mã số 160)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo.

Mã số 160 = Mã số 161 + Mã số 162.

+ *Nguyên giá (Mã số 161)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo sau khi đã trừ số tổn thất do suy giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 217.

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 162)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị hao mòn lũy kế của bất động sản đầu tư dùng để cho thuê tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- ***Xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 170)***

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 241.

- ***Tài sản khác (Mã số 180)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo, như: Thuế GTGT còn được khấu trừ và tài sản khác tại thời điểm báo cáo.

Mã số 180 = Mã số 181 + Mã số 182.

+ *Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 181)*

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT còn được khấu trừ và số thuế GTGT còn được hoàn lại tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” căn cứ vào số dư Nợ của TK 133.

+ *Tài sản khác (Mã số 182)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo,

như: Chi phí trả trước, thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các TK 242, 333.

**- Tổng cộng tài sản (Mã số 200)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng trị giá tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180.

**b) Nợ phải trả (Mã số 300)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ phải trả tại thời điểm báo cáo.

Mã số 300 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

**+ Phải trả người bán (Mã số 311)**

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán.

**+ Người mua trả tiền trước (Mã số 312)**

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền người mua ứng trước để mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp tại thời điểm báo cáo (không bao gồm các khoản doanh thu nhận trước).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng.

**+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 313)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản doanh nghiệp còn phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 333.

**+ Phải trả người lao động (Mã số 314)**

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả cho người lao động tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334.

+ *Phải trả khác (Mã số 315)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí phải trả, phải trả nội bộ khác ngoài khoản phải trả về vốn kinh doanh, giá trị tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân, các khoản phải nộp cho cơ quan BHXH, KPCĐ, các khoản nhận ký cược, ký quỹ, doanh thu chưa thực hiện...

Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải trả nội bộ khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải thu nội bộ khác trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của các TK 335, 3368, 338, 1388.

+ *Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các khoản doanh nghiệp đi vay, còn nợ các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác kể cả khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 341, 4111 (cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả).

+ *Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Mã số 317)*

Tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và mô hình quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp thực hiện phân cấp và quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn do doanh nghiệp cấp vào chỉ tiêu này hoặc chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411).

Chỉ tiêu này chỉ trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, phản ánh các khoản đơn vị cấp dưới phải trả cho đơn vị cấp trên về vốn kinh doanh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 3361. Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” (Mã số 133) trên Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên.

+ *Dự phòng phải trả (Mã số 318)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản dự kiến phải trả tại thời điểm báo cáo, như dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng, các khoản chi phí trích trước để sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường trích trước... Các khoản dự phòng phải trả thường được ước tính, chưa chắc chắn về thời gian phải trả, giá trị phải trả và doanh nghiệp chưa nhận được hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 352.

+ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 319)*

Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng ban quản lý điều hành chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353.

+ *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 320)*

Chỉ tiêu này phản ánh số Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 356.

**c) *Vốn chủ sở hữu (Mã số 400)***

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh các khoản vốn kinh doanh thuộc sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn, như: Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417

- *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số vốn đã thực góp của các chủ sở hữu vào doanh nghiệp (đối với công ty cổ phần phản ánh vốn góp của các cổ đông theo

mệnh giá cổ phiếu) tại thời điểm báo cáo.

Tại đơn vị hạch toán phụ thuộc, chỉ tiêu này có thể phản ánh số vốn được cấp nếu doanh nghiệp quy định đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận vốn kinh doanh được cấp vào TK 411.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 411.

- *Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)*

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4112. Nếu TK 4112 có số dư Nợ thì chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- *Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)*

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 4118.

- *Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)*

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị cổ phiếu quỹ hiện có ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 419 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- *Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)*

Trường hợp đơn vị sử dụng đồng tiền khác Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chỉ tiêu này phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam.

- *Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)*

Chỉ tiêu này phản ánh các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 418.

- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)*

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (hoặc lỗ) sau thuế chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421. Trường

hợp TK 421 có số dư Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**- Tổng cộng nguồn vốn (Mã số 500)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng số các nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400.

$$\begin{array}{ccc} \text{Chỉ tiêu “Tổng cộng} & & \text{Chỉ tiêu “Tổng cộng} \\ \text{Tài sản Mã số 200”} & = & \text{Nguồn vốn Mã số 500”} \end{array}$$

**1.3. Phân tích Báo cáo tình hình tài chính:**

**1.3.1. Sự cần thiết phải phân tích Báo cáo tình hình tài chính:**

- Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là dùng các kỹ thuật phân tích để biết được mối quan hệ của các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính, dùng số liệu để đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của DN, giúp người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định tài chính và quyết định quản lý phù hợp.

- Phân tích Báo cáo tình hình tài chính cung cấp thông tin về các nguồn vốn, tài sản, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản hiện có giúp chủ DN tìm ra điểm mạnh và điểm yếu trong công tác tài chính để có những biện pháp thích hợp cho quá trình phát triển của DN trong tương lai.

- Hiểu rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản.

- Cung cấp cho các nhà đầu tư, các chủ nợ và những người sử dụng khác để họ có thể quyết định về đầu tư, tín dụng hay các quyết định có liên quan đến Doanh nghiệp.

**1.3.2. Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính:**

Khi phân tích Báo cáo tình hình tài chính thường sử dụng phương pháp so sánh và phương pháp cân đối.

a) Phương pháp so sánh: Dùng để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Trong phương pháp này có 3 kỹ thuật so sánh chủ yếu :

- So sánh tuyệt đối : Là mức độ biến động [ vượt (+) hay hụt (-) ] của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh tương đối : Là tỷ lệ % của mức biến động giữa 2 kỳ, kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh kết cấu : Là tỷ trọng của một chỉ tiêu kinh tế trong tổng thể các chỉ tiêu cần so sánh.

b). Phương pháp tỷ lệ:

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực của các đại lượng tài chính trong quan hệ tài chính. Sự biến đổi các tỷ lệ là sự biến đổi các đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu cần xác định được các ngưỡng. Các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với giá trị các tỷ lệ tham chiếu. Phương pháp tỷ lệ bao gồm:

- *Tỷ lệ khả năng thanh toán*: đánh giá khả năng đáp ứng của từng khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- *Tỷ lệ về khả năng cân đối vốn, nguồn vốn*: phản ánh mức độ ổn định và tự chủ về tài chính.

- *Tỷ lệ khả năng sinh lời*: phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

c) Phương pháp cân đối

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối, cân đối là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh.

Qua việc so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình và nhiệm vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá tình hình thực hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

Ngoài ra còn sử dụng thêm các phương pháp như: Thay thế liên hoàn, chênh lệch và nhiều khi đòi hỏi của quá trình phân tích yêu cầu cần phải sử dụng kết hợp các phương pháp với nhau để thấy được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu. Qua đó, các nhà quản trị mới đưa ra các quyết định đúng đắn, hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

### **1.3.3. Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính:**

*1.3.3.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính:*

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định về sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp



cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan. Để đánh giá khái quát tình hình tài chính cần tiến hành:

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản: Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa cũng như việc phân bổ nguồn vốn hình thành cơ cấu tài sản của doanh nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp về vốn cũng như cơ cấu vốn trọng thời gian tới. (Biểu số 1.2)

- Phân tích cơ cấu và tình hình biến động trên tổng số nguồn vốn: Phân tích cơ cấu và tình hình biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách,... về số tài sản tài trợ bằng nguồn vốn của họ. (Biểu 1.3)

**BIỂU SỐ 1.2: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN**

TÀI SẢN	01/01/200N		31/12/200N		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền							
II. Đầu tư tài chính							
III. Các khoản phải thu							
IV. Hàng tồn kho							
V. Tài sản cố định							
VI. Bất động sản đầu tư							
VII. XDCB dở dang							
VIII. Tài sản khác							
Cộng							

**BIỂU SỐ 1.3: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN**

NGUỒN VỐN	01/01/200N		31/12/200N		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
<b>I. Nợ phải trả</b>							
1. Phải trả người bán							
...							
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>							
1. Vốn góp của chủ sở hữu							
...							
<b>CỘNG</b>							

1.3.3.2. Phân tích tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các tỷ số tài chính cơ bản:

+ Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán tổng quát:

Khả năng thanh toán tổng quát của doanh nghiệp được thể hiện qua chỉ tiêu “Hệ số thanh toán tổng quát” và được xác định theo công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Đây là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này cho biết: với tổng số tài sản hiện có, doanh nghiệp có đảm bảo trang trải được các khoản nợ phải trả hay không. Trong trường hợp xấu nhất (doanh nghiệp phá sản, hay giải thể) nếu trị số của chỉ tiêu “Hệ số thanh toán tổng quát” của doanh nghiệp = 1, các chủ nợ đảm bảo vẫn thu hồi được nợ. Trị số của chỉ tiêu này càng lớn hơn 1, doanh nghiệp càng có thừa khả năng thanh toán tổng quát. Ngược lại, trị số của chỉ tiêu này càng nhỏ hơn 1, doanh nghiệp càng mất dần khả năng thanh toán.

+ Khả năng thanh toán ngắn hạn:

Khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp được thể hiện qua chỉ tiêu “Hệ số thanh toán ngắn hạn” và được xác định theo công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số này càng lớn (lớn hơn 1) và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng và ngược lại. Nếu tỷ số này tăng thì rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại.

Nếu tỷ số khả năng thanh toán giảm do tăng nợ phải trả thì kết luận khả năng thanh toán giảm, rủi ro tài chính tăng.

+ Khả năng thanh toán nhanh:

Khả năng thanh toán nhanh là thước đo về huy động các tài sản có khả năng chuyển đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp được thể hiện qua chỉ tiêu “Hệ số thanh toán

nhanh” và được xác định theo công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Nếu tỷ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng thì khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp tăng làm cho rủi ro tài chính của doanh nghiệp giảm và ngược lại.

- *Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:*

Hệ số này cho biết mức độ lợi nhuận đảm bảo khả năng trả lãi như thế nào. Nếu công ty quá yếu về mặt này, các chủ nợ có thể đi đến gây sức ép lên công ty, thậm chí dẫn tới phá sản công ty. Hệ số khả năng thanh toán lãi vay được tính bằng tỷ số giữa lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên lãi vay:

$$\text{Khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi}}{\text{Lãi vay}}$$

+ *Các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nguồn vốn và tài sản*

- *Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:*

Hệ số cơ cấu nguồn vốn được thể hiện chủ yếu qua hệ số nợ. Đây là một hệ số tài chính quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, chủ nợ và nhà đầu tư. Đối với nhà quản lý doanh nghiệp thông qua hệ số nợ thấy được tình hình tài chính của doanh nghiệp để có sự điều chỉnh chính sách tài chính cho phù hợp. Đối với chủ nợ xem xét hệ số nợ để đưa ra các quyết định cho vay và thu hồi nợ. Đối với các nhà đầu tư qua xem xét hệ số nợ để đánh giá mức độ rủi ro tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở đó cân nhắc việc đầu tư.

Hệ số này được tính bằng cách lấy tổng nợ (tức là gồm cả nợ ngắn hạn lẫn nợ dài hạn) của doanh nghiệp trong một thời kỳ nào đó chia cho giá trị vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ. Các số liệu này có thể lấy từ Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công thức tính như sau:

$$\text{Hệ số nợ trên} \quad \text{Tổng nợ} \\ \text{vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}$$

- *Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản:*

Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản là chỉ tiêu phản ánh mức độ tài trợ tài sản của doanh nghiệp bằng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Hệ số này được tính bằng cách lấy vốn chủ sở hữu nghiệp trong một thời kỳ nào đó chia cho giá trị tổng tài sản trong cùng kỳ. Các số liệu này có thể lấy từ Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công thức tính như sau:

$$\text{Hệ số vốn chủ sở hữu trên tài sản} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Hệ số này càng cao chứng tỏ mức độ độc lập về tài chính của doanh nghiệp càng lớn và ngược lại.

## CHƯƠNG II:

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN

#### 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:

##### 2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:*

Tên gọi của công ty: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín

Tên quốc tế: MY TIN TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Tổ dân phố An Tràng (tại nhà bà Phạm Thị Hương), Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

Đại diện bà: Phạm Thị Hương

Mã số thuế: 0201239163

Điện thoại: 02253.762.888

Fax: 02253.762.888

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín được thành lập ngày 24/06/2012. Với bề dày kinh nghiệm hơn 4 năm phát triển trong lĩnh vực sản xuất và thương mại cùng lực lượng cán bộ trình độ cao, công nhân kỹ thuật lành nghề. Luôn đảm bảo chất lượng và tiến độ các sản phẩm. Nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh.

*Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:*

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- Khó khăn: thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì càng ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín thực hiện các nhiệm vụ sau :

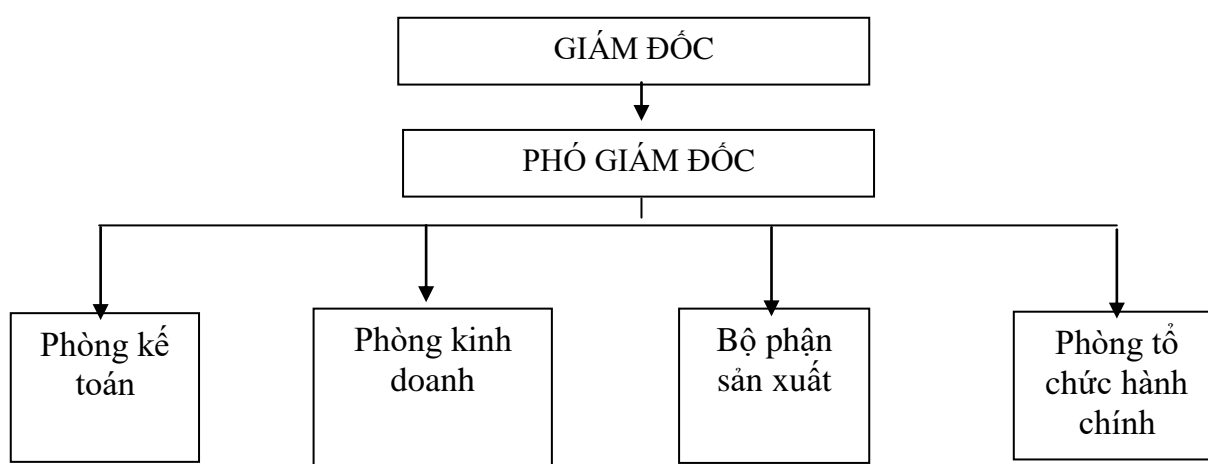
<b>Mã ngành</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Ngành chính</b>
<b>25920</b>	<b>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại</b>	<b>N</b>
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Y
32900	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	N
<b>4535</b>	<b>Kinh doanh các sản phẩm cơ khí</b>	<b>N</b>
3830	Tái chế phế liệu	N
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	N
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	N
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	N
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	N
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	N
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	N
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	N
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	N
82990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa	N



Mã ngành	Mô tả	Ngành chính
	được phân vào đâu	
15120	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	N
15200	Sản xuất giày dép	N
17010	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	N
1702	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	N
18110	In ấn	N
18120	Dịch vụ liên quan đến in	N
2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	N

**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

Đề phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

**- Giám đốc:**

Chịu trách nhiệm, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

**- Phó Giám đốc:**

Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

**- Phòng Kế toán:**

Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Kế toán phải tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách tài chính – Kế toán của công ty, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật. Kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa theo dõi thành phẩm, vật tư.

Quản lý danh mục vật tư, công cụ dụng cụ của công ty, quản lý toàn bộ số lượng giá trị nhập kho và tồn kho của vật tư, theo dõi vật tư mua sắm.

Kế toán chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền...

Viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty, theo dõi tất cả công nợ phải thu khách hàng, thu hồi công nợ, tập hợp chứng từ.

**- Phòng Kinh doanh:**

Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch

thu nợ và khai thác khách hàng.

**- Phòng Tổ chức – Hành chính:**

Quản lý công ty trong lĩnh vực hành chính, nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời và đúng nhất cho hoạt động của công ty trong việc đánh giá đúng năng lực cán bộ cả về số lượng và chất lượng từ đó có sự phân công lao động hợp lý và hiệu quả.

**- Bộ phận sản xuất:**

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo phân công

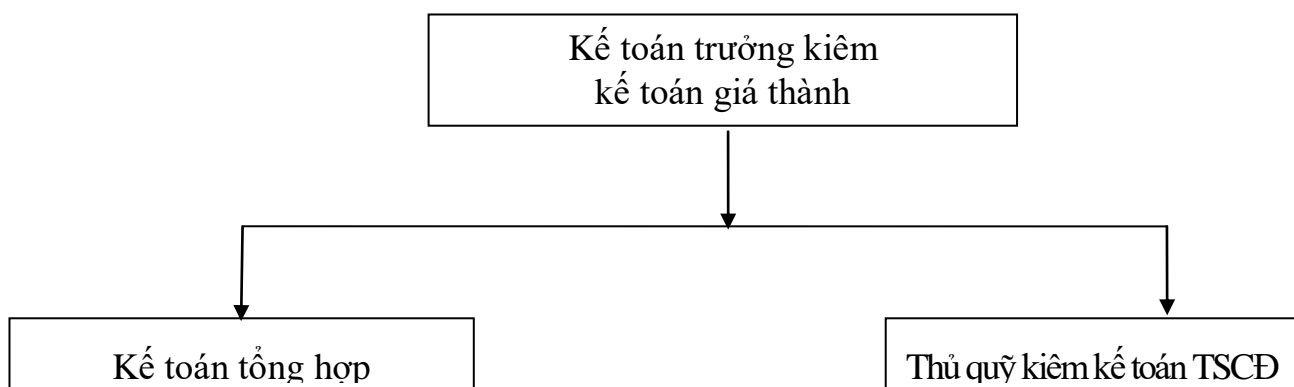
**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**

Giới thiệu chung về bộ máy kế toán:

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng .

Hiện nay phòng kế toán của Công ty có 3 người : Kế toán trưởng kiêm kế toán giá thành, kế toán tổng hợp, thủ quỹ. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.



*Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín*

❖ **Kế toán trưởng kiêm kế toán giá thành:**

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

❖ **Kế toán tổng hợp :**

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC... Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán. Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

- *Quản lý các khoản thu:* Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền: thu tiền của thu ngân hàng ngày & thu khác. Theo dõi tiền gửi ngân hàng. Quản lý các chứng từ liên quan đến thu chi.

- *Quản lý các khoản chi:* Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập

phiếu chi...Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài...Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

- Theo dõi việc quản lý quỹ tiền mặt: Kết hợp với thủ quỹ thực hiện nghiệp vụ thu chi theo quy định. Tiền mặt tồn quỹ phải được sắp xếp theo loại giấy bạc và được kiểm lại cuối ngày. Khóa Sổ và niêm kết trước khi ra về.

❖ **Thủ quỹ:**

Chịu trách nhiệm thu, chi theo chứng từ gốc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, đảm bảo việc thu, chi tiền mặt theo chứng từ gốc, tồn quỹ tiền mặt, kết hợp sổ sách kế toán.

Lập hồ sơ theo dõi tài sản cố định. Tính và trích khấu hao TSCĐ theo quy định.

*2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty:*

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

*2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán:*

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

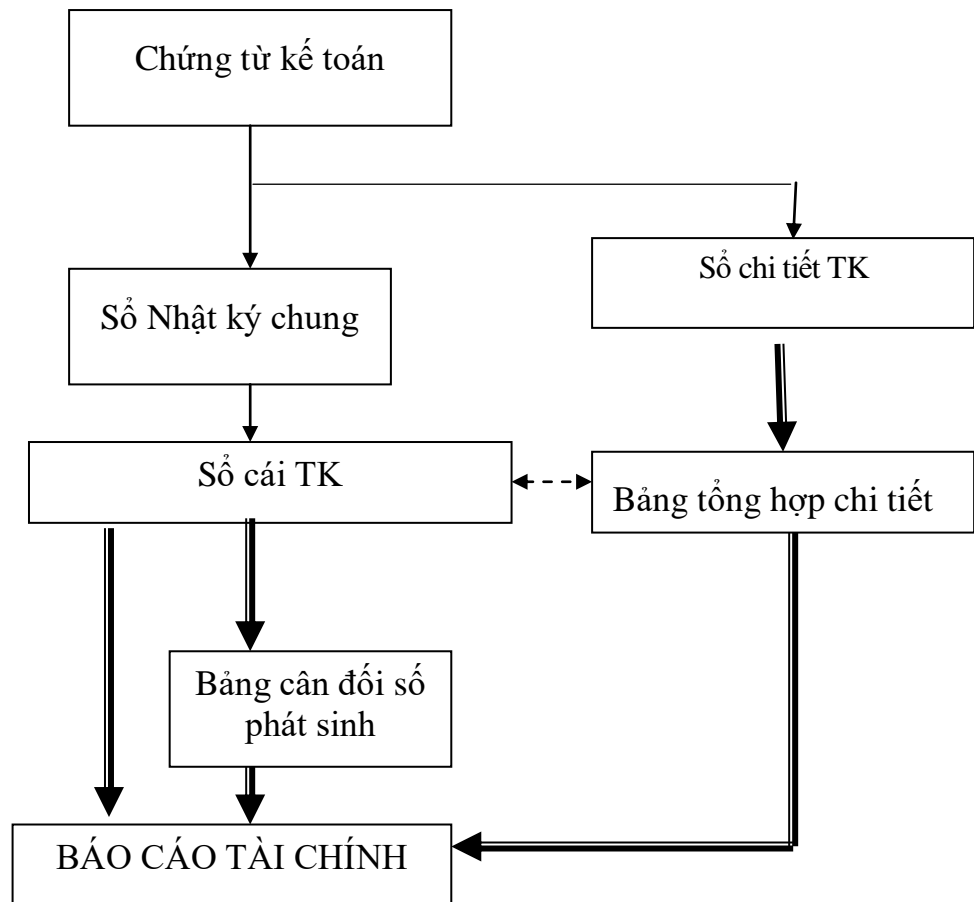
*2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

#### *2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán:*

##### **❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:**

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tình hình tài chính - Mẫu B01a- DNN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DNN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 – DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DNN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...

## **2.2. Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

### **2.2.1. Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản như Bảng tổng hợp phải thu khách hàng,

Bảng tổng hợp phải trả người bán...

- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước.

### **2.2.2. Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

Hiện nay Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín thực hiện lập Báo cáo tình hình tài chính theo các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh.

Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

Bước 6: Thực hiện kiểm tra và ký duyệt

#### **2.2.2.1. Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán:**

Định kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán phản ánh vào sổ sách có đầy đủ chứng từ hay không, chứng từ có hợp lệ hay không. Nếu có sai sót thì kế toán công ty phải có biện pháp xử lý kịp thời. Trình tự kiểm soát được tiến hành như sau:

- Sắp xếp bộ chứng từ kế toán theo thứ tự thời gian phát sinh nghiệp vụ;
- Kiểm tra, đối chiếu các chứng từ với các nghiệp vụ được phản ánh vào sổ

Nhật ký chung.

+ Đối chiếu số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ phản ánh vào sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu ngày tháng chứng từ với ngày tháng trong sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu nội dung kinh tế từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.

+ Kiểm tra số tiền theo từng chứng từ và số tiền từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.




+ Kiểm soát quan hệ đối ứng trong sổ Nhật ký chung.

**Ví dụ:** Ngày 12/12/2018, chị Nguyễn Hồng Anh – Phòng kế toán, rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt, số tiền: 420.000.000 đồng.

- Giấy rút tiền (Biểu 2.1)
- Phiếu thu( Biểu 2.2)
- Giấy báo nợ (Biểu 2.3)
- Bảng sao kê (Biểu 2.4)
- Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
- Sổ cái TK 111 (Biểu 2.6), sổ cái TK 112. (Biểu 2.7)

**Biểu số 2.1: Giấy rút tiền**

	Liên 2/ Copy 2 Số/ No 892 Giao người nhận Depositors copy	
<b>GIẤY RÚT TIỀN</b> Cash Deposit Slip Ngày/Date: 12/12/2018		
Tài khoản có/ Credit A/C No: 0531 0088 387 1 Tên tài khoản/ Account name: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín Số tiền bằng chữ/ Inword: <i>Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn.</i>		
Người rút tiền/ Deposited by: <b>Nguyễn Hồng Anh</b>	Số tiền bằng số (Amount in figures) 420.000.000	
Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán		
Tại ngân hàng/ with bank: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.		
Nội dung rút/ Remarks: Rút tiền từ tài khoản.		
Người rút tiền Depositors signature	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Biểu số 2.2: Phiếu thu**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

**Mẫu số: 01 – TT**  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Hải phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2018

**Số PT 921**

Nợ TK 111      420.000.000  
Có TK 112      420.000.000

Họ tên người nộp tiền : **Nguyễn Hồng Anh**

Địa chỉ : Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Lý do nộp: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt.

Số tiền : **420.000.000** đồng.

*(Viết bằng chữ) Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn.*

Kèm theo                      01                      chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2018

<b>Thủ trưởng đv</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người lập</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người nộp tiền</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Thủ quỹ</b> <i>(ký, họ tên)</i>
---	--	---	--	---------------------------------------

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn.*

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)*

**Biểu số 2.3: Giấy báo nợ**



**GIẤY BÁO NỢ**  
12/12/2018

Số: 892

Mã GDV: PHUDDTQTO

Mã KH: 594547

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Mã số thuế: 0201239163

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 0531 0088 387 1

Số tiền bằng số: **420.000.000** đồng

Số tiền bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn./*

Nội dung: ## Rút tiền từ tài khoản ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)*

**Biểu số 2.4: SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT**



**SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT**

**STATEMENT OF ACCOUNT**

Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 31/12/2018

Số tài khoản/Account number: 0531 0088 387 1

Loại tiền tệ/Currency: VND

Tên TK/Account name: Công ty TNHH Sản xuất và  
Thương mại Mỹ Tín

**Số dư đầu kỳ: 503.822.040**

**Số dư cuối kỳ: 444.508.957**

Ngày phát sinh	Số GD	Nội dung giao dịch	Doanh số phát sinh	
			Nợ/Debit	Có/Credit
		...		
06/12/2018	889	CTY CPDTTM THANH AN THANH TOAN TIEN		120,000,000
		...		
12/12/2018	892	RUT NHAP QUY	420,000,000	
		...		
19/12/2018	997	TRANO CHO CONG TY HA TRANG	214,000,000	
		...		
20/12/2018	1001	KHACH HANG TRA TIEN		270,240,000
		...		
26/12/2018	1004	ACCRUED INTEREST		45,147
		...		
<b>CỘNG PHÁT SINH</b>			<b>2,460,453,327</b>	<b>2,401,140,244</b>

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT VIÊN**

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Biểu số 2.5: Trích Sổ Nhật kí chung**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			...			
08/12	PT 918	08/12	Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Đại Thành	111	10.494.000	
				511		9.540.000
				333		954.000
			...			
11/12	PC937	11/12	Tạm ứng đi công tác	141	8.000.000	
				111		8.000.000
			...			
12/12	PT921 BN892/ VC	12/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	420.000.000	
				112		420.000.000
			...			
16/12	PC 943	16/12	Chi tiền tiếp khách ăn uống	642	4.530.000	
				133	453.000	
				111		4.983.000
			...			
20/12	BN997/ VC	20/12	Trả nợ cho người bán	331	208.230.000	
				112		208.230.000
			...			
23/12	BC1007 /VC	23/12	Thu tiền hàng	112	120.000.000	
				131		120.000.000
			...			
25/12	PC 959	25/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642	3.251.000	
				133	325.100	
				111		3.576.100
			...			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>193.702.975.345</b>	<b>193.702.975.345</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 111**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Tên TK: Tiền mặt**  
**Số hiệu: 111**  
**Năm 2018**

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>342.513.487</b>	
			<b>Số phát sinh</b>				
			...				
08/12	PT 918	08/12	Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Đại Thành	511	9.540.000		
				333	954.000		
			...				
09/12	PC932	09/12	Chi mua văn phòng phẩm	642		1.250.000	
				133		125.000	
			...				
11/12	PC937	11/12	Tạm ứng đi công tác	141		8.000.000	
			...				
12/12	PT921	12/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	112	420.000.000		
			...				
16/12	PC 943	16/12	Chi tiền tiếp khách	642		4.530.000	
				133		453.000	
			...				
25/12	PC 959	25/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642		3.251.000	
				133		325.100	
			...				
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>14.658.735.987</b>	<b>14.368.761.541</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>632.487.933</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Biểu số 2.7: Sổ cái TK 112**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
			<u>Số phát sinh</u>		<b>765.249.824</b>	
			...			
12/12	BN892/ VC	12/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111		420.000.000
15/12	BN 995/VC	15/12	TT tiền mua hàng cho Hải Sơn	331		270.000.000
15/12	BC 816/Mr	15/12	Công ty TNHH Kiến Ninh trả tiền	131	251.000.000	
20/12	BN997/ VC	10/12	Trả nợ cho người bán	331		208.230.000
			...			
23/12	BC 1001/VC	23/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Ngô Quyền thu bằng TGNH	511	320.000.000	
				333	32.000.000	
			...			
27/12	BC1007/ VC	27/12	Thu tiền hàng	131	120.000.000	
			...			
			<u>Cộng số phát sinh</u>		<b>21.748.795.215</b>	<b>21.332.587.412</b>
			<u>Số dư cuối năm</u>		<b>1.181.457.627</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. *Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán:*

Sau bước kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán. Tức là cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có trong kỳ của các tài khoản kế toán, đồng thời tính ra số dư cuối kỳ của các tài khoản có số dư cuối kỳ. Số liệu sẽ được đối chiếu giữa sổ cái với Bảng tổng hợp chi tiết. Trong trường hợp Công ty không lập Bảng tổng hợp chi tiết do chỉ phát sinh một đối tượng chi tiết thì có thể đối chiếu số liệu trên sổ cái với sổ chi tiết.

**Ví dụ:**

- Đối chiếu số liệu giữa Sổ cái TK 112 (Biểu 2.8) và Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng hàng (Biểu 2.9)
- Đối chiếu số liệu giữa Sổ cái TK 131 (Biểu 2.10) và Bảng tổng hợp chi tiết phải thu của khách hàng (Biểu 2.11).



**Biểu số 2.8: Sổ cái TK 112**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
			<u>Số phát sinh</u>		<b>765.249.824</b>	
			...			
12/12	BN892/ VC	12/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111		420.000.000
15/12	BN 995/VC	15/12	TT tiền mua hàng cho Hải Sơn	331		270.000.000
15/12	BC 816/Mr	15/12	Công ty TNHH Kiến Ninh trả tiền	131	251.000.000	
20/12	BN997/ VC	10/12	Trả nợ cho người bán	331		208.230.000
			...			
23/12	BC 1001/VC	23/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Ngô Quyền thu bằng TGNH	511	320.000.000	
				333	32.000.000	
			...			
27/12	BC1007/ VC	27/12	Thu tiền hàng	131	120.000.000	
			...			
			<u>Cộng số phát sinh</u>		<b>21.748.795.215</b>	<b>21.332.587.412</b>
			<u>Số dư cuối năm</u>		<b>1.181.457.627</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S07 – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**  
**Năm 2018**

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên ngân hàng	Tồn đầu năm	Gửi vào	Rút ra	Tồn cuối năm
1	MaritimeBank	476.275.321	4.870.682.339	4.775.867.020	571.090.640
2	VP Bank	65.328.722	5.642.684.122	5.542.154.814	165.858.030
3	Vietcombank	223.645.781	11.235.428.754	11.014.565.578	444.508.957
	<b>Cộng</b>	<b>765.249.824</b>	<b>21.748.795.215</b>	<b>21.332.587.412</b>	<b>1.181.457.627</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Biểu số 2.10 : Trích sổ cái tài khoản 131**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>		<b>1.983.125.473</b>	
			...			
01/07	GBC425 /VC	01/07	Công ty xây dựng Bảo Thành thanh toán tiền nợ	112	...	200.000.000
			...			
06/07	HD 435	06/07	Bán hàng cho Công ty xây dựng Bảo Thành	511 333	40.000.000 4.000.000	
			...			
09/07	HD 554	09/07	Bán hàng cho Công ty cổ phần Việt Đức	511 333	47.700.000 4.770.000	
			...			
15/07	GBC369 /VC	15/07	Công ty cổ phần Việt Đức ứng tiền hàng	112		150.000.000
			...			
25/07	GBC464 /VC	25/07	Công ty xây dựng Bảo Thành thanh toán tiền	112		55.000.000
			...			
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>21.546.875.421</b>	<b>20.876.546.325</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>2.653.454.569</b>	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

**Năm 2018**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
04	Công ty thương mại Thăng Long	-		115.700.600	115.700.600	-	
	...						
06	Công ty cổ phần Việt Đức	255.470.670		1.927.773.700	1.718.228.700	465.015.670	
	...						
10	Công ty xây dựng Bảo Thành	47.370.000		1.589.013.200	1.528.870.000	107.513.200	
	...						
	<b>Cộng</b>	<b>2.633.125.473</b>	<b>650.000.000</b>	<b>21.546.875.421</b>	<b>20.876.546.325</b>	<b>3.233.454.569</b>	<b>580.000.000</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

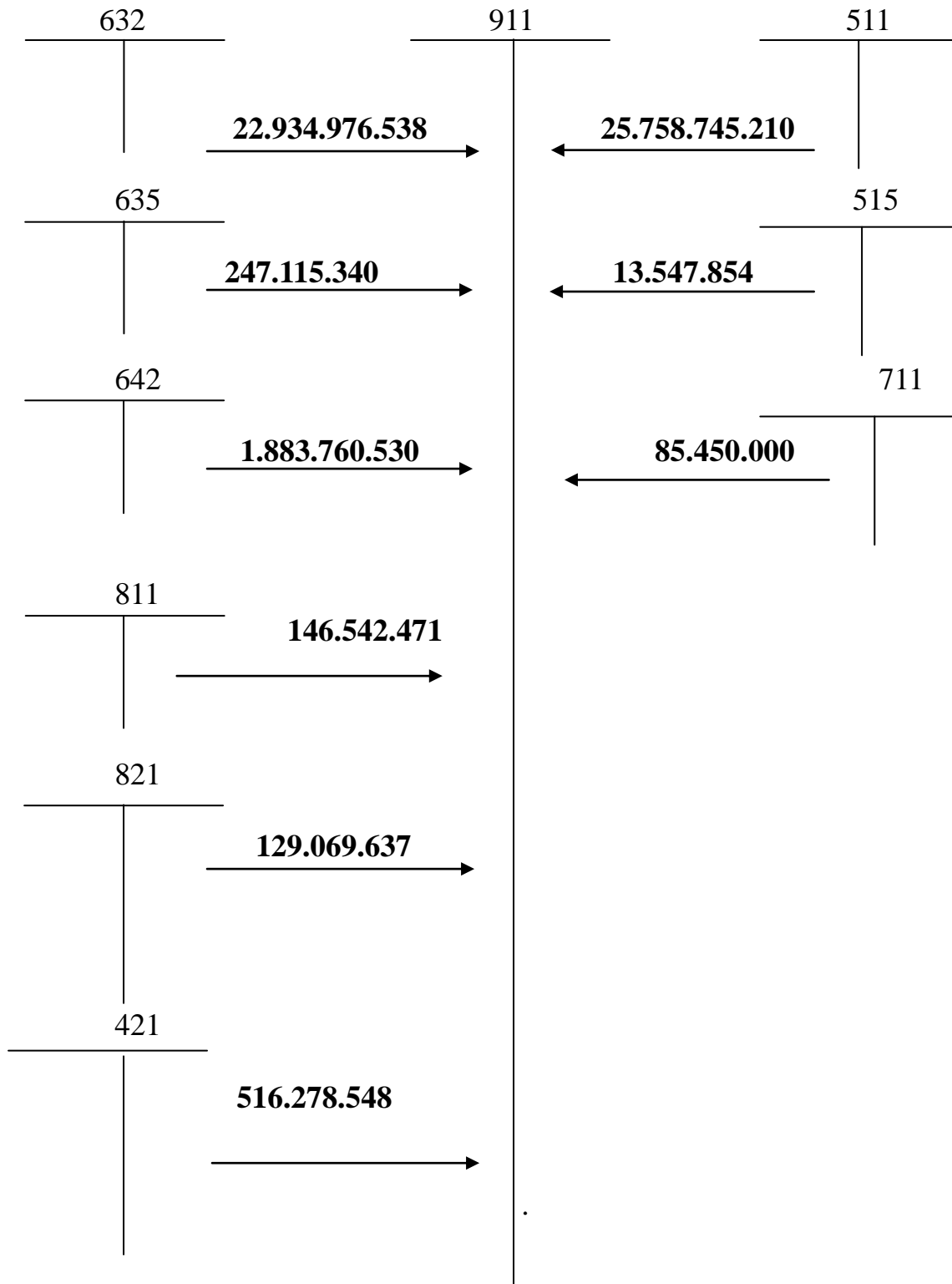
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.2.3. Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán:

Tiếp theo, công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh (Sơ đồ 2.4)



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh  
Sau khi thực hiện bút toán kết chuyển, kế toán thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.

**2.2.2.4. Lập Bảng cân đối số phát sinh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

Bảng cân đối số phát sinh là phương pháp kỹ thuật dùng để kiểm tra một cách tổng quát số liệu kế toán đã ghi trên các tài khoản tổng hợp.

Bảng cân đối số phát sinh được xây dựng trên 2 cơ sở:

- Tổng số dư bên Nợ của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có của tất cả các tài khoản tổng hợp.
- Tổng phát sinh bên Nợ của các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng phát sinh bên Có của các tài khoản tổng hợp.
- Cột số thứ tự: Dùng để đánh số theo tuần tự cho các tài khoản đã sử dụng trong kỳ từ tài khoản thứ nhất cho tới hết.
- Cột tên tài khoản: Dùng để ghi số hiệu và tên của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng, ghi từ tài khoản có số hiệu nhỏ đến tài khoản có số hiệu lớn, không phân biệt tài khoản có còn số dư cuối kỳ hay không hoặc trong kỳ có số phát sinh hay không.
- Cột số dư đầu kỳ: Ghi số dư đầu kỳ của các tài khoản tương ứng. Nếu số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.
- Cột số phát sinh trong kỳ: Ghi tổng số phát sinh trong kỳ của các tài khoản tương ứng, tổng số phát sinh Nợ ghi vào cột Nợ, tổng số phát sinh Có ghi vào cột Có.
- Cột số dư cuối kỳ: Ghi số dư cuối kỳ của các tài khoản tương ứng. Số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.
- Cuối cùng, tính ra tổng của tất cả các cột để so sánh giữa bên Nợ và bên Có của từng cột: Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ có bằng nhau từng cặp một hay không.

***Ví dụ: Cách lập chỉ tiêu tiền mặt – TK 111 trên bảng cân đối số phát sinh của Công ty vào năm 2018.***

- Cột “Số hiệu tài khoản” là: 111
- Cột “Tên tài khoản” là: Tiền mặt

---

- Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên Sổ cái TK 111, số tiền là: **342.513.487** đồng.

- Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền là: **14.658.735.987** đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 111, số tiền là: **14.368.761.541** đồng.

- Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền **632.487.933** đồng.

Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối số phát sinh được lập tương tự.

***Ví dụ: Cách lập chỉ tiêu tiền mặt – TK 131(tài khoản lưỡng tính) trên bảng cân đối số phát sinh của Công ty vào năm 2018.***

- Cột “Số hiệu tài khoản” là: 131

- Cột “Tên tài khoản” là: Phải thu khách hàng

- Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên Sổ cái TK 131, số tiền là: **2.633.125.473** đồng và số dư Có đầu năm trên Sổ cái TK 131, số tiền là: **650.000.000** đồng

- Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 131, số tiền là: **21.546.875.421** đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 131, số tiền là: **20.876.546.325** đồng.

- Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ cuối năm trên Sổ cái TK 131, số tiền là: **3.233.454.569** đồng và số dư Có cuối năm trên Sổ cái TK 131, số tiền là: **580.000.000** đồng.

Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối số phát sinh được lập tương tự.

Cộng số phát sinh trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số cộng trên sổ Nhật ký chung.

**Biểu số 2.12: Trích Bảng cân đối số phát sinh**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số F01 – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TT	TK	Tên tài khoản	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối năm	Dư có cuối năm
1	111	Tiền mặt	342.513.487		14.658.735.987	14.368.761.541	632.487.933	
2	112	Tiền gửi ngân hàng	765.249.824		21.748.795.215	21.332.587.412	1.181.457.627	
3	131	Phải thu khách hàng	2.633.125.473	650.000.000	21.546.875.421	20.876.546.325	3.233.454.569	580.000.000
4	133	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ			790.471.645	790.471.645	0	
5	152	Nguyên vật liệu	897.236.412		5.321.413.257	5.687.564.231	531.085.438	
6	154	Chi phí SXKD dở dang	868.795.476		15.094.946.228	14.689.752.413	1.273.989.291	
7	156	Hàng hóa	1.401.486.998		7.665.824.320	8.245.224.125	822.087.193	
8	211	Nguyên giá TSCĐ	9.378.606.218		1.174.235.017	564.236.412	9.988.604.823	
9	214	Hao mòn lũy kế		2.756.500.992	417.693.941	987.548.325		3.326.355.376
10	242	Chi phí trả trước dài hạn	232.548.317		336.352.000	274.566.552	294.333.765	
11	331	Phải trả cho người bán		2.315.879.473	18.611.285.390	18.895.514.230		2.600.108.313
12	333	Thuế và các khoản phải nộp NN		135.486.512	2.416.911.444	2.580.874.521		299.449.589



TT	TK	Tên tài khoản	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối năm	Dư có cuối năm
13	334	Phải trả người lao động		465.783.254	4.769.872.140	4.805.432.910		501.344.024
14	338	Các khoản phải trả phải nộp khác		256.188.390	952.889.112	1.072.665.511		375.964.789
15	341	Vay và nợ thuê tài chính		1.850.000.000	650.000.000	358.000.000		1.558.000.000
16	411	Nguồn vốn kinh doanh		7.600.000.000		600.000.000		8.200.000.000
17	421	Lãi chưa phân phối		489.723.584	489.723.584	516.278.548		516.278.548
18	511	Doanh thu bán hàng			25.758.745.210	25.758.745.210		
19	515	Doanh thu hoạt động tài chính			13.547.854	13.547.854		
20	632	Giá vốn hàng bán			22.934.976.538	22.934.976.538		
21	635	Chi phí hoạt động tài chính			247.115.340	247.115.340		
22	642	Chi phí quản lý kinh doanh			1.883.760.530	1.883.760.530		
23	711	Thu nhập khác			85.450.000	85.450.000		
24	811	Chi phí khác			146.542.471	146.542.471		
25	821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			129.069.637	129.069.637		
26	911	Xác định kết quả kinh doanh			25.857.743.064	25.857.743.064		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16.519.562.205</b>	<b>16.519.562.205</b>	<b>193.702.975.345</b>	<b>193.702.975.345</b>	<b>18.375.194.580</b>	<b>18.375.194.580</b>

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**2.2.2.5: Lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

Cột số đầu năm: Số liệu được lấy từ số liệu cuối năm trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín năm 2018.

Cột số cuối năm: Kế toán căn cứ vào các Sổ Cái, Bảng tổng hợp chi tiết Tài khoản và Bảng cân đối số phát sinh năm 2018 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín để lập các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính .

**Cu thể về cách lập các chỉ tiêu cuối năm:**

**a) Tài sản**

- *Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111, 112 trên bảng cân đối số phát sinh, số tiền: **1.813.945.560** đồng

+ *Phải thu của khách hàng (Mã số 131)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng trên Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, số tiền: **3.233.454.569** đồng.

+ *Hàng tồn kho (Mã số 141)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 152, 154, 156 trên Bảng cân đối số phát sinh, số tiền: **2.627.161.922** đồng.

+ *Nguyên giá (Mã số 151)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211 trên Bảng cân đối số phát sinh, số tiền: **9.988.604.823** đồng

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị đã hao mòn của các loại tài sản cố định lũy kế tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141, 2143 trên Bảng cân đối số phát sinh và được ghi bằng số âm dưới

hình thức ghi trong ngoặc đơn (...), số tiền: **3.326.355.376** đồng.

+ *Tài sản khác (Mã số 182)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí trả trước, thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các TK 242 trên Bảng cân đối số phát sinh, số tiền: **294.333.765** đồng.

- *Tổng cộng tài sản (Mã số 200)*

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180, số tiền: **14.631.145.263** đồng.

**b) Nợ phải trả (Mã số 300)**

+ *Phải trả người bán (Mã số 311)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán trên Bảng tổng hợp phải người bán, số tiền: **2.600.108.313** đồng.

+ *Người mua trả tiền trước (Mã số 312)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền người mua ứng trước để mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp tại thời điểm báo cáo (không bao gồm các khoản doanh thu nhận trước). Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng trên Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, số tiền: **580.000.000** đồng.

+ *Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả nộp nhà nước tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 333, số tiền: **299.449.589** đồng.

+ *Phải trả người lao động (Mã số 314)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả cho người lao động tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334, số tiền: **501.344.024** đồng.

+ *Phải trả khác (Mã số 315)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của các TK 338, số tiền: **375.964.789** đồng.

+ *Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 341, số tiền: **1.558.000.000** đồng.

+ *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số vốn đã thực góp của các chủ sở hữu vào doanh nghiệp (đối với công ty cổ phần phản ánh vốn góp của các cổ đông theo mệnh giá cổ phiếu) tại thời điểm báo cáo.

Tại đơn vị hạch toán phụ thuộc, chỉ tiêu này có thể phản ánh số vốn được cấp nếu doanh nghiệp quy định đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận vốn kinh doanh được cấp vào TK 411.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111, số tiền: **8.200.000.000** đồng.

+ *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 517)*

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (hoặc lỗ) sau thuế chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421, số tiền: **516.278.548** đồng.

Chỉ tiêu “Tổng  
cộng Tài sản Mã  
số 200” = Chỉ tiêu “Tổng  
cộng Nguồn vốn  
Mã số 500” = **14.631.145.263 đồng**

*Sau đây là Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:*

**Biểu số 2.13: Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2018**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín  
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số B01a - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày  
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.813.945.560</b>	<b>1.107.763.311</b>
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>3.233.454.569</b>	<b>2.633.125.473</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		3.233.454.569	2.633.125.473
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.627.161.922</b>	<b>3.167.518.886</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.627.161.922	3.167.518.886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>		<b>6.662.249.447</b>	<b>6.622.105.226</b>
1 Nguyên giá	211		9.988.604.823	9.378.606.218
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(3.326.355.376)	(2.756.500.992)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>			
- Nguyên giá	221			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222			
<b>VII. XDCB dở dang</b>	<b>170</b>			
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>		<b>294.333.765</b>	<b>232.548.317</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182		294.333.765	232.548.317
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>14.631.145.263</b>	<b>13.763.061.213</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>5.914.866.715</b>	<b>5.673.337.629</b>
1. Phải trả người bán	311		2.600.108.313	2.315.879.473

2. Người mua trả tiền trước	312		580.000.000	650.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		299.449.589	135.486.512
4. Phải trả người lao động	314		501.344.024	465.783.254
5. Phải trả khác	315		375.964.789	256.188.390
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		1.558.000.000	1.850.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>8.716.278.548</b>	<b>8.089.723.584</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.200.000.000	7.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		516.278.548	489.723.584
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>14.631.145.263</b>	<b>13.763.061.213</b>

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

**2.2.2.6. Kiểm tra, ký duyệt:**

Sau khi lập xong Báo cáo tình hình tài chính, kế toán trưởng kiểm tra lại một lần nữa, sau đó ký để chịu trách nhiệm về số liệu làm ra. Cuối cùng, Báo cáo tình hình tài chính, các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt.

Như vậy, công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín được hoàn thành.

**2.3. Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là một trong những căn cứ quan trọng để các nhà quản trị Công ty có thể đưa ra những đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, số nhân viên kế toán - tài chính ít nên trong những năm qua việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính không được thực hiện. Chính vì vậy Công ty đã bỏ qua một công cụ đặc lực trong công tác quản trị kinh doanh của Công ty mình.

### CHƯƠNG III:

## MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN

### 3.1. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:

Trong giai đoạn tới, công ty xác định mục tiêu chủ yếu là đảm bảo Công ty xây dựng được cơ cấu hợp lý, tập trung vào hoạt động chính là kinh doanh và gia công các sản phẩm Inox, từng bước tháo gỡ khó khăn trong quá trình phát triển, tạo sự ổn định và phát triển, là doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực kinh doanh, đủ sức cạnh tranh trong khu vực, góp phần thực hiện thành công chiến lược của doanh nghiệp.

Phân đầu doanh thu năm sau luôn cao hơn năm trước ít nhất là 10%

Đảm bảo kinh doanh có lãi để nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như tăng khoản đóng góp cho ngân sách nhà nước.

### 3.2. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính cũng ngày một hoàn thiện và được coi trọng hơn nhằm đáp ứng tốt hơn cho công tác quản lý.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín. Em đã nhận thấy trong công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính của Công ty có một số ưu nhược điểm sau:

Những ưu điểm trong công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính:

#### 3.2.1. Ưu điểm:

- Về tổ chức bộ máy quản lý :

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng nhiệm vụ của mình các



phòng ban còn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- *Về bộ máy kế toán:*

Phòng kế toán của công ty có 3 người trong đó có 1 kế toán trưởng cùng 1 kế toán viên và 1 thủ quỹ kiêm kế toán tài sản cố định. Kế toán trưởng đồng thời là kế toán chi phí giá thành, là người có kinh nghiệm, năng lực và trình độ trong lĩnh vực kế toán. Các nhân viên đều là người có chuyên môn và được phân công đúng trách nhiệm và năng lực của mình. Công ty lựa chọn loại hình tổ chức kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán nhanh chóng và chính xác.

Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo kịp thời.

- *Về hệ thống sổ sách kế toán:*

Công ty đã áp dụng hình thức “ Nhật ký chung “ – hình thức đơn giản, dễ làm. Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo hoạt động của Công ty và tạo được mối quan hệ mật thiết với các bộ phận trong toàn hệ thống kế toán tại Công ty. Việc tổ chức luân chuyển chứng từ ở phòng kế toán đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán kế toán được nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

- Công ty đã lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Trước khi tiến hành lập bảng Báo cáo tình hình tài chính, kế toán đã tiến hành kiểm tra lại chứng từ, số liệu trên các sổ kế toán đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công tác kiểm tra tính chính xác, trung thực của các nghiệp vụ kinh tế được tiến hành thường xuyên liên tục là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán.

- Việc lập Báo cáo tình hình tài chính được lên kế hoạch cụ thể, chia thành các bước rõ ràng. Trước khi lập Báo cáo tình hình tài chính, kế toán tổng hợp đã

tiến hành kiểm tra các chứng từ sổ sách đảm bảo tính chính xác về số liệu, nội dung. Sự kiểm tra chính xác, trung thực đã giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty trong kỳ kế toán.

### ***3.2.2. Nhược điểm:***

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín còn mắc phải những mặt hạn chế:

+ *Về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính.*

Công ty chưa quan tâm đến việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng và Báo cáo tài chính nói chung. Như vậy, Công ty đã bỏ qua một công cụ đắc lực hỗ trợ, giúp đỡ cho công tác quản lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty một cách tốt nhất. Đồng thời nếu chỉ căn cứ vào các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính thì chưa thấy rõ được các khía cạnh của tình hình tài chính của Công ty như là sự biến động, tính cân đối của tài sản và nguồn vốn của Công ty. Vì vậy khiến cho người sử dụng thông tin khó nắm bắt được tình hình tài chính của Công ty và việc đề ra những biện pháp khắc phục những hạn chế của Công ty còn yếu, chưa mang lại hiệu quả cao.

+ *Ứng dụng tin học vào công tác kế toán.*

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán. Do đó khối lượng công việc mà kế toán viên đảm nhận khá nhiều, gây sức ép và khó khăn mỗi khi tổng hợp số liệu lập Báo cáo tình hình tài chính. Đồng thời công tác kế toán dễ mắc phải những nhầm lẫn không đáng có do làm thủ công. Đội ngũ nhân viên có tay nghề cao còn ít nên tiến độ công việc nhiều khi còn chậm. Công ty chưa chú trọng vào việc nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên kế toán.

Tóm lại, trong quá trình phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty muốn đạt được những thành tích nhất định để tạo đà phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh cho Công ty trong tương lai thì Công ty cần phải khắc phục những hạn chế, trong công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính để Công ty có thể hoạt động tốt và hiệu quả hơn.

---

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:**

#### ***3.3.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:***

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển hơn nữa. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại.

Để đạt được mục tiêu đó Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mục đích cuối cùng của các đơn vị làm ăn kinh tế đều là lợi nhuận. Các doanh nghiệp đều cố gắng tăng doanh thu, giảm chi phí nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, tạo được sự tin cậy với các đối tượng như chủ nợ, khách hàng, nhà đầu tư,... cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Giải quyết vấn đề này, doanh nghiệp cần quan tâm tới tình hình tài chính thông qua các báo cáo tài chính của doanh nghiệp mình.

Một trong những báo cáo tình hình chính quan trọng là Báo cáo tình hình tài chính. Bởi nó phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản, nguồn vốn trong một thời điểm nhất định. Trên cơ sở số liệu của Báo cáo tình hình tài chính, các nhà đầu tư, chủ nợ, khách hàng,... có thể nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp và biết được các thông tin về tình hình tài sản, nguồn vốn, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để có quyết định đúng đắn cho việc làm ăn với doanh nghiệp.

#### ***3.3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:***

Để có thể hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng những cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

- Hoàn thiện công tác kế toán lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn.

### ***3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín:***

***Ý kiến thứ nhất: Tổ chức công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng và Báo cáo tài chính nói chung trong công tác kế toán tại Công ty.***

Để nâng cao hiệu quả cho công tác phân tích, Ban lãnh đạo và kế toán nên lập kế hoạch phân tích cụ thể. Theo em, ta có thể tiến hành phân tích theo trình tự như sau:

*Bước 1 : Lập kế hoạch phân tích*

+ Chỉ rõ nội dung phân tích: Nội dung và chỉ tiêu phân tích có thể bao gồm:

- Phân tích sự biến động về cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn.
- Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích các tỷ số tài chính cơ bản.

- Lựa chọn phương pháp phân tích: Phương pháp so sánh và phương pháp cân đối

*Bước 2: Thực hiện quá trình phân tích*

+ Nguồn tài liệu phục vụ cho công tác phân tích: Như Báo cáo tình hình tài chính của hai năm gần nhất với năm cần phân tích, số liệu của các doanh nghiệp cùng ngành, những thông tin kinh tế trong và ngoài nước (đã được kiểm tra tính xác thực) để phục vụ cho nội dung cần phân tích....

Lưu ý: Các tài liệu sử dụng cần kiểm tra nhiều mặt như là: Nguồn tài liệu (số liệu) của các doanh nghiệp cùng ngành có đảm bảo được tính chính xác hay là các thông tin từ số liệu đó có đảm bảo được tính trung thực và hợp lý khi sử dụng để so sánh với Công ty mình hay không...

+ Chính lý, xử lý số liệu, tính toán các chỉ tiêu và tiến hành phân tích, do tài liệu được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau vì vậy trước khi tính toán các chỉ tiêu và đánh giá tình hình phải đối chiếu, kiểm tra tính trung thực, hợp lý các số liệu đưa vào tính toán, lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp để đảm bảo đánh giá được tình hình, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và cung cấp thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu quản lý.

Trên cơ sở mục tiêu và nguồn số liệu, bộ phận phân tích cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Tuy nhiên, hệ thống này không nên quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích cần phân tích đi vào chiều sâu, các chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu cần phân tích. Đặc biệt chú trọng những chỉ tiêu có sự biến đổi lớn (mang tính bất thường) và những chỉ tiêu quan trọng, phải bám sát thực tế Công ty và các chỉ tiêu phân tích có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm tránh việc kết luận một cách phiến diện thiếu chính xác.

Đây là khâu quan trọng nhất, quyết định chất lượng của công tác phân tích.

*Bước 3 : Lập báo cáo phân tích (kết thúc quá trình phân tích):*

Báo cáo phân tích phải bao gồm:

- + Đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm chủ yếu trong công tác quản lý của Công ty.
- + Chỉ ra được những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến kết quả đó.
- + Nêu được các biện pháp cụ thể để cải tiến công tác đã qua động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong kỳ tới.

Với việc tổ chức công tác phân tích này, nội dung phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sẽ được phân tích kỹ hơn, sâu hơn, và đánh giá được toàn diện hơn về tài chính của Công ty. Vận dụng vào thực trạng công tác hạch toán kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín và để công tác phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính được tốt, ta nên thực hiện các nội dung phân tích cụ thể sau đây:

❖ ***Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản***

Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa cũng như việc phân bổ nguồn vốn hình thành cơ cấu tài sản của doanh nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp về vốn cũng như cơ cấu vốn trọng thời gian tới.

**Biểu số 3.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**

**BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN**

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	31/12/2017		31/12/2018		Chênh lệch năm 2018 so 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.107.763.311	8.0%	1.813.945.560	12.4%	706.182.249	63.7%
III. Các khoản phải thu	2.633.125.473	19.1%	3.233.454.569	22.1%	600.329.096	22.8%
IV. Hàng tồn kho	3.167.518.886	23.0%	2.627.161.922	18.0%	-540.356.964	-17.1%
V. Tài sản cố định	6.622.105.226	48.1%	6.662.249.447	45.5%	40.144.221	0.6%
VIII. Tài sản khác	232.548.317	1.7%	294.333.765	2.0%	61.785.448	26.6%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>13.763.061.213</b>	<b>100.0%</b>	<b>14.631.145.263</b>	<b>100.0%</b>	<b>868.084.050</b>	<b>6.3%</b>

(Theo số liệu được tổng hợp từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta nhận thấy tổng tài sản của cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 đã tăng lên 868.084.050 đồng, tương ứng tăng 6,3 %. Như vậy có thể nhận thấy quy mô của Công ty đã được mở rộng hơn. Tuy nhiên ta cần xem xét đến các khoản mục cụ thể trong tổng tài sản để thấy được sự tác động của chúng ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Tiền và các khoản tương đương tiền: Nhận thấy, chỉ tiêu này cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 tăng 706.182.249 đồng, tương đương với tăng 63,7%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã tự chủ hơn trong việc thanh toán các khoản nợ nhờ các khoản tiền tăng lên. Xét về cơ cấu của tiền, thì đầu năm 2018 chiếm 8,0% cuối năm 2018 chiếm 12,4% trong tổng tài sản của Công ty, tăng 4,3%. Cơ cấu này là hợp lý đối với doanh nghiệp bởi số tiền tại thời điểm cuối năm 2018 tương đối lớn nhưng đây không phải là do tiền luôn tồn quỹ, tài khoản. Con số tương đối lớn như thế này là do cuối năm doanh nghiệp được phía đối tác trả nợ.

Các khoản phải thu: Các khoản phải thu cuối năm 2017 là 2.633.125.473 đồng, chiếm 19,1% trong tổng tài sản, cuối năm 2018 khoản nợ phải thu là 3.233.454.569 đồng chiếm 22,1%, tăng 600.329.096 đồng, tương đương tăng 22,8%, tỷ trọng tăng 3%. Các khoản nợ phải thu trong 2 năm đều chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng tài sản và năm sau lại cao hơn năm trước điều này cho thấy công ty đã không làm tốt công tác thu hồi nợ dẫn đến vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng. Trong thời gian tới doanh nghiệp cần:

- + Có những biện pháp để thu hồi vốn nhanh như áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm.

- + Thường xuyên đối chiếu công nợ để chốt số dư nợ với khách hàng từ đó có cơ sở để đôn đốc thu hồi nợ.

- + Trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn.

- + Xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được để số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính phản ánh đúng tình hình thực tế nợ phải thu tại đơn vị.



Hàng tồn kho cuối năm 2017 là 3.167.518.886 đồng đến cuối năm 2018 giảm xuống còn 2.627.161.922 đồng, tương đương giảm 17,1% và cơ cấu hàng tồn kho năm 2018 so với năm 2017 cũng giảm 5,1%. Hàng tồn kho giảm là do công ty đã giảm định mức dự trữ nguyên vật liệu cho hoạt động gia công cũng như đẩy mạnh công tác bán hàng hóa nên làm cho giá trị hàng hóa tồn kho của công ty giảm mạnh. Điều này được đánh giá là một dấu hiệu tốt đối với doanh nghiệp.

Tài sản cố định: Qua bảng cơ cấu tài sản, tài sản cố định của công ty năm 2018 so với năm 2017 tăng 40.144.221 đồng tương đương 0,2%. Sự tăng này là không đáng kể. Tuy nhiên về cơ cấu giảm: 2,6%, điều này cho thấy doanh nghiệp đã chưa quan tâm đến đầu tư vào tài sản cố định để tăng năng lực sản xuất kinh doanh cho mình

Tài sản khác của công ty chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ, đầu năm là 1,7%, cuối năm là 2,0%, đây là khoản chi phí về công cụ dụng cụ của công ty cần phân bổ tiếp trong các kỳ tiếp theo. Cơ cấu này là hợp lý đối với Công ty.

#### ***❖ Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn***

Phân tích cơ cấu và tình hình biến động của từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách,... về số tài sản tài trợ bằng nguồn vốn của họ.

Qua phân tích về cơ cấu tài sản của Công ty, ta thấy được công tác thu hồi vốn của công ty chưa tốt, chỉ tiêu hàng tồn kho đã được cải thiện. Song để thấy rõ hơn về tình hình tài chính của Công ty, ta phải kết hợp với việc phân tích cơ cấu nguồn vốn của công ty.

Sau đây là bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

**Biểu số 3.2: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.**

**BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN**

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	31/12/2017		31/12/2018		Chênh lệch 2018 so với 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối
<b>I. Nợ phải trả</b>	5.673.337.629	41.2%	5.914.866.715	40.4%	241.529.086	4.3%
1. Phải trả người bán	2.315.879.473	40.8%	2.600.108.313	44.0%	284.228.840	12.3%
2. Người mua trả tiền trước	650.000.000	11.5%	580.000.000	9.8%	-70.000.000	-10.8%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135.486.512	2.4%	299.449.589	5.1%	163.963.077	121.0%
4. Phải trả người lao động	465.783.254	8.2%	501.344.024	8.5%	35.560.770	7.6%
5. Phải trả khác	256.188.390	4.5%	375.964.789	6.4%	119.776.399	46.8%
6. Vay và nợ thuê tài chính	1.850.000.000	32.6%	1.558.000.000	26.3%	-292.000.000	-15.8%
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	8.089.723.584	58.8%	8.716.278.548	59.6%	626.554.964	7.7%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	7.600.000.000	93.9%	8.200.000.000	94.1%	600.000.000	7.9%
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	489.723.584	6.1%	516.278.548	5.9%	26.554.964	5.4%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>13.763.061.213</b>	<b>100%</b>	<b>14.631.145.263</b>	<b>100%</b>	<b>868.084.050</b>	<b>6.3%</b>

(Theo số liệu được tổng hợp từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Qua bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn, cho ta thấy:

*+ Nợ phải trả:*

Nợ phải trả cuối năm 2018 so với năm 2017 tăng 241.529.086 đồng, tương đương tăng 4,3%. Tuy nhiên, xét về cơ cấu cuối năm 2018 chiếm 40,4%, cuối năm 2017 chiếm 41,2%. Như vậy, xét về cơ cấu thì nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhỏ hơn nguồn vốn chủ sở hữu qua các năm và cơ cấu này là hợp lý đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên ta cần xem xét đến các khoản mục cụ thể trong tổng nợ phải trả để thấy được sự tác động của chúng ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của doanh nghiệp:

Nợ phải trả người bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nợ phải trả của doanh nghiệp; cụ thể: cuối năm 2017 là 40,8% trong tổng nợ sang đến cuối năm 2018 là 44,0% trong tổng nợ phải trả, tăng 3,1%; Xét về số tuyệt đối, nợ phải trả tăng 284.228.840 đồng, tương đương tăng 12.3%. Như vậy, cả số tuyệt đối và số tương đối cho thấy quan hệ thanh toán của Công ty và nhà cung cấp chưa tốt, công ty chiếm dụng vốn của họ tương đối lớn vì vậy trong thời gian tới công ty cần có phương án trả nợ kịp thời.

Đối với khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, xét về tỷ trọng thì chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ trong nợ phải trả nhưng xét về số tuyệt đối thì khoản này cuối năm so với đầu năm tăng 163.963.077 đồng, tương đương 121 %. Khoản thuế tăng lên là hợp lý bởi thời điểm báo cáo được lập là khi doanh nghiệp chưa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản nợ này chưa quá hạn) nên làm cho chỉ tiêu này tăng lên.

Đối với khoản phải trả người lao động và phải trả khác chiếm tỷ trọng hợp lý trong nợ phải trả của Công ty.

Đối với khoản Vay và nợ thuê tài chính: Cuối năm so với đầu năm khoản này đã giảm 292.000.000 đồng, tương đương giảm 15.8%; tỷ trọng giảm 6.3% điều này cho thấy doanh nghiệp đã giảm được các khoản phải đi vay bên ngoài.

*+Vốn chủ sở hữu*

Xét về giá trị, vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 tăng so với cuối năm 2017 là 626.554.964 đồng, tương đương tăng 7,7%. Xét về cơ cấu, vốn chủ sở hữu

của doanh nghiệp cuối năm 2018 chiếm 59,6%, cuối năm 2017 chiếm 58,8%, như vậy cuối năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017 là 0,8%. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lớn hơn nợ phải trả trong tổng nguồn vốn cho thấy doanh nghiệp có khả năng tự chủ về vấn đề tài chính, doanh nghiệp ít phải lệ thuộc nhiều vào bên ngoài. Bên cạnh đó, xét về xu hướng, thì cơ cấu vốn đang tiếp tục có xu hướng biến động theo chiều hướng tích cực hơn.

**❖ Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:**

Trong nền kinh tế thị trường, bất cứ doanh nghiệp nào cũng luôn coi trọng các quan hệ tín dụng. Bởi vì nó có thể giúp cho doanh nghiệp mở rộng được quy mô, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh, làm cho quá trình kinh doanh diễn ra liên tục, giúp doanh nghiệp phát huy được thế mạnh. Muốn vậy các doanh nghiệp đòi hỏi phải có đủ năng lực tài chính đáp ứng các nghĩa vụ đối với các khoản vay tín dụng mà họ nhận được và đặc biệt là khả năng hoàn trả đúng hạn, các khoản vay tín dụng ngân hàng. Nếu doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán thì tình hình tài chính sẽ khả quan và ngược lại. Các đối tượng có liên quan đến doanh nghiệp như các nhà đầu tư, các nhà cung cấp, chủ nợ... luôn đặt ra câu hỏi “ Liệu doanh nghiệp đó có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn không”? Để đánh giá tình hình và khả năng thanh toán của Công ty, ta phân tích các hệ số về khả năng thanh toán như Biểu số 3.3 sau:

**Biểu số 3.3: Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**

Chỉ tiêu	Công thức	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Tổng tài sản	lần	2.43	2.47	0.05
	Nợ phải trả				
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn	lần	1.51	1.61	0.09
	Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho	lần	0.84	1.08	0.23
	Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	Tổng số nợ	lần	0.70	0.68	-0.02
	Vốn chủ sở hữu				
Hệ số vốn chủ sở hữu trên tài sản	Vốn chủ sở hữu	lần	0.59	0.60	0.01
	Tổng tài sản				

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát.

Qua bảng số liệu ta thấy Hệ số thanh toán tổng quát của công ty đều lớn hơn 2, cụ thể: Hệ số thanh toán tổng quát năm 2017 là: 2,43 và năm 2018 là 2,47. Xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, điều đó cho thấy công ty có thể sử dụng tài sản của mình để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như dài hạn.

Xét sự biến động năm 2018 so với năm 2017 thì ta thấy Hệ số thanh toán tổng quát đã tăng 0.05 lần. Đây là một dấu hiệu tốt đối với doanh nghiệp trong quan hệ thanh toán các khoản nợ nói chung.

*+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:*

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty năm 2017 và năm 2018 đều lớn hơn 1; cụ thể: năm 2017 là 1,51 và năm 2018 là 1,61 điều đó cho thấy trong các năm này Công ty đều có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn của mình. Hơn thế nữa, Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp ngày càng khả quan hơn, doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng nguồn lực tài sản của mình.

*+ Hệ số khả năng thanh nhanh:*

Hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp năm 2017 là: 0,84 (nhỏ hơn 1), điều này cho thấy doanh nghiệp không có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn tức thì khi nó xảy ra. Tuy nhiên, sang đến năm 2018 tình hình này đã được cải thiện đáng kể khi Hệ số khả năng thanh toán nhanh tăng lên 1,08. Đây là một dấu hiệu tốt đối với Công ty bởi khi cần vốn nhanh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể đảm bảo được.

*+ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:*

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt của hai năm 2017 và 2018 là: 0,7 và 0,68. Điều đó cho thấy vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp luôn lớn hơn nợ phải trả, doanh nghiệp có khả năng độc lập về tài chính. Khi so sánh sự biến động giữa năm 2018 so với năm 2017 thì hệ số này đã giảm đi 0,02 điều đó cho thấy nợ của doanh nghiệp càng giảm so với vốn chủ sở hữu và khả năng tự chủ về tài chính của Công ty càng tăng lên.

*+ Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản:*

Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản năm 2017 là 0.59 và 2018 là: 0,60. Như vậy vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đã chiếm trên 50% giá trị tổng tài sản của Công ty.

**Ý kiến thứ hai: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán hiện nay**

Hiện tại Công ty đang thực hiện hình thức kế toán thủ công, chỉ mới áp dụng một phần rất nhỏ công nghệ thông tin vào công tác kế toán như chương trình tin học văn phòng. Mà khối lượng công việc kế toán không phải là ít, nguồn nhân lực của Công ty chỉ có hạn, từ đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng thông tin do kế toán cung cấp. Trong điều kiện hiện nay các phần mềm kế toán có trên thị trường rất phong phú và đa dạng như phần mềm MISA, phần mềm SAS INNOVA, phần mềm ACMAN, phần mềm BVAVO.. với nhiều tính năng đầy đủ cho công tác kế toán. Theo em, Công ty nên lựa chọn cho mình một phần mềm kế toán trên máy vi tính kết hợp với hình thức ghi sổ phù hợp để giúp công tác hạch toán kế toán của công ty trở nên nhanh chóng, kịp thời, chính xác, hiệu quả hơn.

Sau đây, em xin trình bày một số phần mềm kế toán thông dụng trên thị trường hiện nay như:

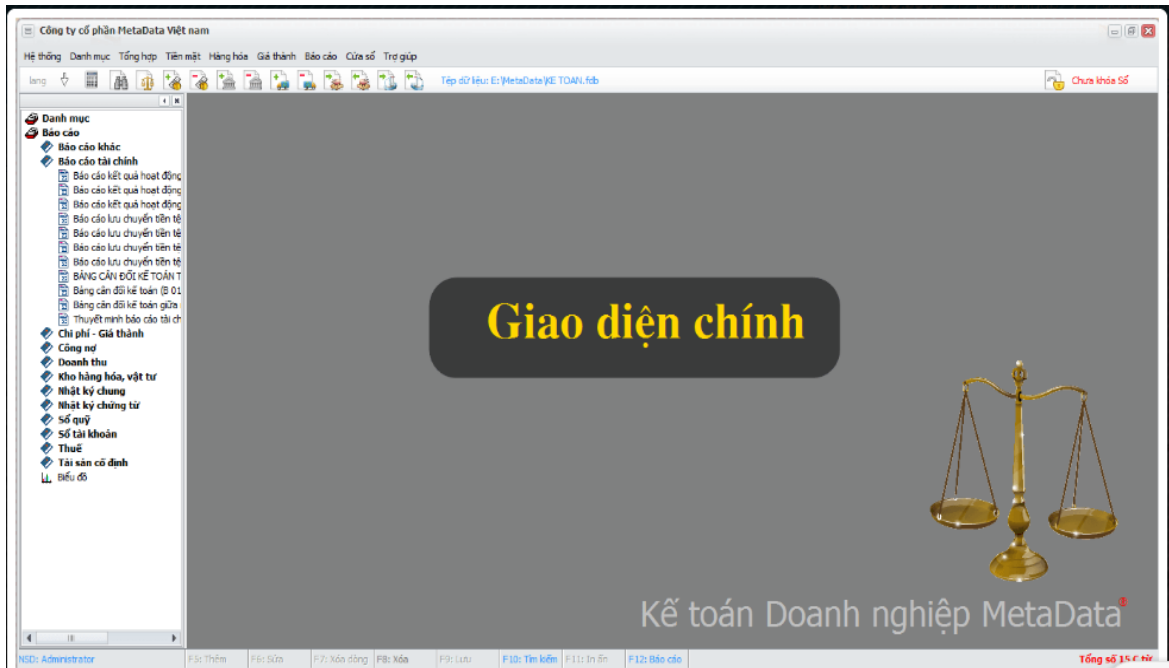
***Phần mềm kế toán Metadata Accounting***

Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phân hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí "Đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của Doanh nghiệp", MetaData được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác Kế toán tài chính - Quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các loại hình doanh nghiệp: Thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp ...

MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho nhà quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán, ... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

- Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh ...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

### Giao diện của phần mềm kế toán Metadata Accounting



### ***Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2018)***

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018 được thiết kế dành cho các DN vừa và nhỏ, gồm 13 phân hệ nghiệp vụ: Ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tiếp, quản lý cổ đông, tự động cập nhập qua Internet....MISA SME.NET 2018 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp có thể dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ DN có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để ra quyết định đúng đắn kịp thời.

Đặc biệt, MISA SME.NET 2018 cho phép DN có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế

toán duy nhất thông qua Internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao

### Giao diện làm việc của MISA SME.NET 2018

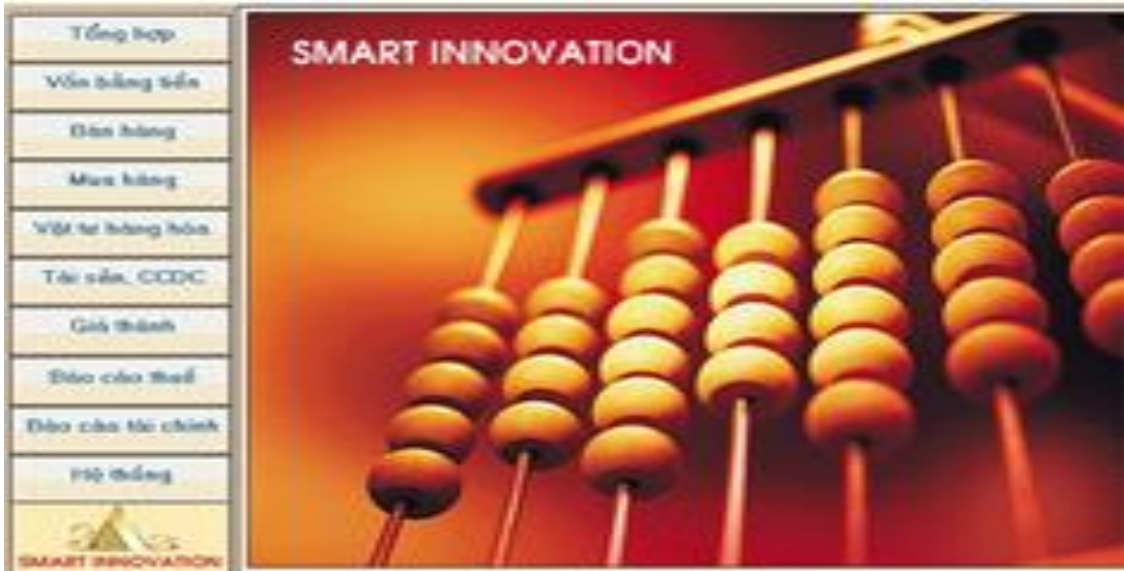


### ***Phần mềm kế toán SAS INNOVA ( phiên bản 10.0 )***

SAS INNOVA 10.0 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam. được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài Chính. Với SAS INNOVA 10.0, DN chỉ cần cập nhập số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SAS INNOVA 10.0 là: Người sử dụng chỉ việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với những chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau với chức năng copy chứng từ), cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên hoá đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi tiền với hoá đơn mua hàng, đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán tài chính, các quy chế độ...



Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm.



### **Phần mềm kế toán BRAVO**

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của DN và các quy định của Bộ Tài Chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam, phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong DN được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu vào và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giao diện của phần mềm kế toán BRAVO



### **Phần mềm kế toán FAST**

- Fast Accounting (phiên bản 9.5) mang những tính năng nổi bật như: Có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hoá xử lý số liệu

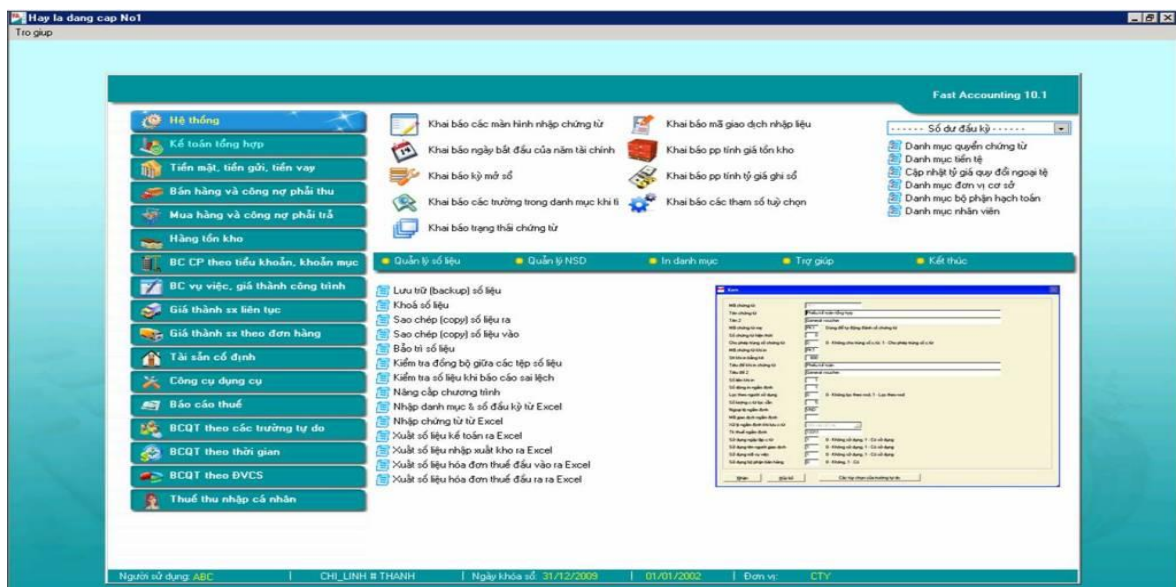
(tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá tuý theo sản phẩm...)

quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đnag nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Việt và Anh... Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các DN sử dụng nhiều nhất.

- Fast Bussiness (phiên bản 9.8): Được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là DN lớn. Đât là giải pháp quản trị toàn diện DN với 5 module: Tài chính kế toán, quản lý chi phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, quản lý mối quan hệ khách hàng.

- Fast Financial: Là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast Accounting và Fast Business, hướng tới DN vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: Cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với DN có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

Giao diện của phần mềm kế toán FAST:



## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh để tồn tại và phát triển giữa các Doanh nghiệp là một tất yếu khách quan. Bởi vậy, doanh nghiệp hoặc là phải thường xuyên hoàn thiện mình tiến lên phía trước, chiến thắng trong cạnh tranh hoặc là doanh nghiệp sẽ tụt hậu, trượt khỏi quỹ đạo chung của nền kinh tế, làm ăn thua lỗ dẫn đến phá sản nếu không biết phát huy những tiềm năng và nắm bắt kịp thời sự thay đổi trên thương trường.

Sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín được tiếp xúc, làm quen với thực tế công tác kế toán tại Công ty, cùng với những cơ sở lý thuyết đã học tập, nắm bắt được tại trường lớp, em càng khẳng định thêm việc tổ chức công tác kế toán nói chung, công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng có ý nghĩa to lớn và đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Trong Bài khoá luận này, em đã mạnh dạn trình bày một số kiến nghị của mình như:

- Kiến nghị phân tích Báo cáo tình tài chính theo định kỳ;
- Kiến nghị hiện đại hóa công tác kế toán nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Với hy vọng góp phần giúp cho Công ty hoàn thiện hơn nữa công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính cho hợp lý, đúng với chế độ về tài chính kế toán, khắc phục được những hạn chế để trong thời gian tới Công ty sẽ đạt được những thành tích lớn hơn nữa, tự khẳng định mình trên thị trường.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT-BTC (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.